# Ngày soan: 5/9/2022

# CHỦ ĐỀ A. MÁY TÍNH VÀ CỘNG ĐỒNG

## Tiết 1+2 BÀI 1: THÔNG TIN VÀ DỮ LIỆU

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

* Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu
* Nêu được ví dụ minh họa tầm quan trọng của thông tin
* Phân biệt được thông tin và vật mang tin.

**2. Năng lực tin học:**

* Phát triển năng lực nhận biết và hình thành nhu cầu tìm kiếm thông tin từ nguồn dữ liệu số khi giải quyết công việc (NLc)
* Từng bước nhận biết – một cách không tường minh – tính phi vật lí của thông tin, qua đó nâng cao năng lực tư duy trừu tượng.

**3. Phẩm chất**

* Có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm
* Có thái độ khách quan, khoa học khi tìm hiểu thế giới tự nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, tài liệu tham khảo, phòng máy vi tính, máy chiếu, phiếu học tập cho hoạt động 1.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình bày vấn đề:* Trong cuộc sống hằng ngày, em nhìn thấy những con số, những dòng chữ, những hình ảnh trong sách; em nghe thấy tiếng chim hót, tiếng xe cộ đi lại trên đường. Tất cả những thứ đó được giác quan của em thu nhận và não xử lí để trở thành những hiểu biết của em về thế giới xung quanh.

Và để hiểu rõ hơn, chúng ta cùng đến với bài 1: Thông tin và dữ liệu.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Thông tin và dữ liệu - *Nghe gì? Thấy gì***

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động để dần dần hình dung được khái niệm, nhận biết được các đặc điểm về dữ liệu và thông tin.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đọc thông tin ở hoạt động 1 và yêu cầu thảo luận, tìm ra lời giải.  Hãy đọc đoạn văn sau và cho biết: Bạn Minh đã thấy những gì và biết được điều gì để quyết định nhanh chóng qua đường?  “Trên đường từ nhà đến trường, Minh phải đi qua...chuyển sang màu đỏ”.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận theo nhóm nhỏ.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi 2 bạn đại diện 2 nhóm đứng dậy báo cáo kết quả làm việc của nhóm.  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Thông tin và dữ liệu**  ***Hoạt động 1. Nghe gì? Thấy gì?***   |  |  | | --- | --- | | Thấy gì? | Biết gì? | | - Đường phố đông người, nhiều xe.  - Đèn giao thông dành cho người đi bộ đổi sang màu xanh.  - Các xe di chuyển chiều đèn đỏ dừng lại | - Có nguy cơ mất an toàn giao thông  -> Phải chú ý quan sát.  - Có thể qua đường an toàn  -> Quyết định qua đường nhanh chóng. | |

**Hoạt động 2: Thông tin và dữ liệu – *Tìm hiểu các khái niệm, mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu***

**a. Mục tiêu:** Thông qua quá trình trả lời câu hỏi, đọc sgk HS nắm được khái niệm và mối quan hệ của thông tin và dữ liệu.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đướng dậy đọc thông tin trong sgk.  - GV yếu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Từ hoạt động 1, em hãy đưa ra khái niệm về dữ liệu, thông tin và vật mang tin theo cách em hiểu?  + Theo em, thông tin và dữ liệu có những điểm tương đồng và khác biệt nào?  + Theo em, tiếng trống trường ba hồi chín tiếng là dữ liệu hay thông tin? Hãy giải thích rõ?  - GV yêu câu HS trả lời câu hỏi 1, 2 trang 6 sgk?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  + GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **1. Thông tin và dữ liệu**  ***a. Các khái niệm***  - Thông tin là những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.  - Thông tin được ghi lên vật mang tin trở thành dữ liệu. Dữ liệu được thể hiện dưới dạng những con số, văn bản, hình ảnh và âm thanh.  - Vật mang tin là phương tiện được dùng để lưu trữ và truyền tải thông tin, ví dụ như giấy viết, đĩa CD, thẻ nhớ...  ***b. Sự tương đồng và khác biệt giữa thông tin và dữ liệu:***  + Thông tin và dữ liệu cùng đem lại hiểu biết cho con người nên đôi khi được dùng thay thế cho nhau.  + Dữ liệu gồm những văn bản, con số, hình ảnh, âm thanh... là nguồn gốc của thông tin.  ***- Phân tích tiếng trống trường***  + TH1: Tiếng trồng trường 3 hồi 9 tiếng là thông tin nếu đặt trong bối cảnh ngày khai trường.  + TH2: Tiếng trống trường 3 hồi 9 tiếng được ghi lại trong một tệp âm thanh thì thẻ nhớ chưa tệp âm thành đó là vật mang tin và âm thanh là dữ liệu.  ***Trả lời***:  **Câu 1**: 1 – b, 2 – a, 3 – c  **Câu 2:**   |  |  | | --- | --- | | 16:00 0123456789 | Dữ liệu | | Hãy gọi cho tôi lúc 16:00 theo số điện thoại 0123456789 | Thông tin | |

**Hoạt động 3: Tầm quan trọng của thông tin**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được sự quan trọng của thông tin trong cuộc sống.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu một HS đướng dậy đọc thông tin trong sgk.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Theo em, thông tin mang lại những gì cho con người? Nêu ví dụ?  + Thông tin giúp con người điều gì? Nêu ví dụ?  + Chia lớp thành 4 tổ để thực hiện hoạt động 2: Hỏi để có thông tin.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  + GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới. | **2. Tầm quan trọng của thông tin**  - Thông tin đem lại hiểu biết cho con người. Mọi hoạt động của con người đều cần đến thông tin.  Ví dụ: Trong bài Con Rồng Cháu Tiên chúng ta biết được nguồn gốc của người Việt.  - Thông tin đúng giúp con người đưa ra những lựa chọn tốt, giúp cho hoạt động của con người đạt hiệu quả.  Ví dụ: Đài khí tượng thủy văn báo Hà Nội hôm nay trời rất nắng -> Bạn An đi học mang theo áo dài và mũ.  ***Hoạt động 2:*** Hs tiến hành thảo luận đưa ra một sơ đồ tư duy mô tả kế hoạch đi dã ngoại theo địa điểm tùy chọn của từng nhóm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thự hiện BT luyện tập trang 7 sgk*

Bảng 1.1 cho biết lượng mưa trung bình hàng tháng (theo đơn vị mm) của hai năm 2017, 2018 ở một số địa phương (Theo tổng cục thống kê).

****

*Em hãy xem bảng 1.1 và trả lời các câu hỏi sau:*

a. Các con số trong bảng là thông tin hay dữ liệu

b. Phát biểu “Tháng 6, Đà Nẵng ít mưa nhất so với các thành phố Hà Nội, Huế, Vũng Tàu” là thông tin hay dữ liệu?

c. Trả lời câu hỏi: “Huế ít mưa nhất vào tháng nào trong năm?”. Câu trả lời là thông tin hay dữ liệu?

d. Câu trả lời cho câu hỏi c) có ảnh hưởng đến việc lựa chọn thời gian và địa điểm du lịch không?

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

a. Các con số trong bảng đã cho là dữ liệu

b. Phát biểu đó là thông tin

c. Câu trả lời này là thông tin

d. Câu trả lời trong câu c có ảnh hưởng đến lựa chọn thời gian và địa điểm du lịch. Nếu người đi du lịch muốn đến tham quan Huế thì tháng Ba là một lựa chọn tốt về thời gian vì họ sẽ tránh được những cơn mưa.

*- GV nhận xét, chuẩn kiến thức*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trang 7 sách kết nối tri thức.*

**Câu 1.** Em hãy nêu ví dụ cho thấy thông tin giúp em:

a. Có những lựa chọn trang phục phù hợp hơn

b. Đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông.

**Câu 2.** Em hãy nêu ví dụ về vật mang tin giúp ích cho việc học tập của em.

*- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:*

**Câu 1.** Lấy ví dụ về vai trò của thông tin

a) Thông tin thời tiết giúp em lựa chọn tốt trong trang phục. Trước một buổi tham quan, hoặc chỉ đơn giản là trước khi đi học, thông tin thời tiết giúp HS chuẩn bị trang phục phù hợp. Chẳng hạn, vào những ngày nhiệt độ chênh lệch lớn, trời lạnh vào buổi sáng, nắng nóng vào buổi trưa thì khi đi học em cần mặc áo sơ mi bên trong áo khoác để khi nóng, bỏ bớt áo khoác ngoài, em vẫn có trang phục phù hợp.

b) Hiểu biết về luật giao thông đường bộ, để ý quan sát các đèn tín hiệu, biển báo giao thông, vạch kẻ đường sẽ giúp em đi trên đường phố tự tin hơn, an toàn hơn, nhất là tại những nút giao thông.

**Câu 2.** Lấy ví dụ về vật mang tin trong học tập: Sách, vở, bảng,... là những vật mang tin.

**-** *GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 19/09/2022

## Tiết 3+4 BÀI 2: XỬ LÍ THÔNG TIN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- Nêu được các hoạt động cơ bản trong xử lí thông tin

- Giải thích được máy tính là công cụ hiệu quả để xử lí thông tin.

**2. Năng lực tin học**

- Phát triển năng lực giao tiếp, hòa nhập, hợp tác phù hợp với thời đại thông tin và nền kinh tế tri thức

- Phát triển tư duy công nghệ dựa trên sự mô phỏng hoạt động thông tin của con người, của máy tính..

**3. Phẩm chất:** Hình thành ý thức điều chỉnh hành vi dựa trên nhận thức và suy xét về thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

* Các ví dụ đa dạng về xử lí thông tin trong các hoạt động của con người.
* Một số ví dụ về việc máy tính giúp con người xử lí thông tin theo bốn bước xử lí thông tin cơ bản.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu một HS đứng dậy đọc to, rõ ràng hoạt động khởi động*: Minh thích xem bóng đá và nhớ mãi một quả phạt đền. Khi cầu thủ thực hiện quả phạt, mắt anh ấy liên tục quan sát thủ môn và đoán xem góc nào của khung thành là sơ hở nhất. Sải bước, tạo đà, anh ấy đã khéo léo chiến thắng thủ môn bằng một cú sút rất mạnh vào góc cao của khung thành.*

- GV mời HS ngồi xuống, tiếp lời: *Câu chuyện trên của Minh liên quan đến việc xử lí thông tin, và để hiểu hơn các hoạt động cơ bản trong xử lí thông tin, chúng ta cùng đến với bài 2: Xử lí thông tin.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1. Xử lí thông tin**

**a. Mục tiêu:** Nâng cao năng lực phân tích, tư duy trừu tượng, hình dung thông tin được xử lí ở mỗi hoạt động xử lí thông tin cơ bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi 1 HS đứng dậy đọc ví dụ về cầu thủ sút bóng.  - Sau khi đọc xong, GV chia lớp thành 4 nhóm lớn, yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động 1 trong SGK.  *+ Bộ nào của cầu thủ nhận được thông tin từ những giác quan nào?*  *+ Thông tin nào được bộ não cầu thủ ghi nhớ và sử dụng khi đá phạt?*  *+ Bộ não xử lí thông tin nhận được thành thông tin gì?*  *+ Bộ não chuyển thông tin điều khiển thành thao tác nào của cầu thủ?*  *+ Qúa trình xử lí thông tin của bộ não gồm những hoạt động nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe bạn đọc, các nhóm tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn các nhóm khi cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện các nhóm trình bày kết quả  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bảng thông tin trong SGK. Sau khi kết thúc, GV hướng dẫn HS phân tích các bước xử lí thông tin.  - Sau đó, GV yêu cầu HS tìm một số ví dụ về hoạt động có ý thức của con người để phân tích các bước xử lí thông tin trong hoạt động đó.  - GV lưu ý HS: *Mọi hoạt động của con người đều gắn liền với quá trình xử lí thông tin.*  - GV yêu cầu HS thảo luận trả lời câu hỏi trang 9 sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS đọc thông tin, tiếp nhận kiến thức và lấy ví dụ và tập phân tích.  + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi 1 – 2 bạn đứng dậy nêu ví dụ và phân tích các bước xử lí thông tin.  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | **1/ Xử lí thông tin**  **NV1:**  **1.** Mắt theo dõi thủ môn đối phương, vị trí quả bóng và khoảng cách giữa các đối tượng đó.  **2.** Thông tin về vị trí và động tác của thủ môn đối phương, vị trí quả bóng và khoảng cách giữa các đối tượng đó.  **3.** Bộ não dùng kinh nghiệm để xử lí thông tin về vị trí của thủ môn thành điểm sơ hở khi bảo vệ khung thành, từ đó chuyển thành thông tin điều khiển đôi chân của cầu thủ.  **4.** Bộ não chuyển thông tin điều khiển đến hệ thống cơ bắp, thành những thao tác vận động toàn thân, đặc biệt là sự di chuyển của đôi chân, thực hiện cú sút phạt với hiệu quả cao nhất.  **5.** Qúa trình xử lí thông tin của bộ não gồm bốn hoạt động: Thu nhận, lưu trữ, xử lí và truyền.  **NV2:**  - Các bước xử lí thông tin    - HS nêu ví dụ và phân tích  ***Trả lời câu hỏi:***  a. Em đang nghe chương trình ca nhạc trên Đài Tiếng nói Việt Nam là thu nhận thông tin.  b. Bố em xem chương trình thời sự trên ti vi là thu nhận và lưu trữ thông tin.  c. Em chép bài trên bảng vào vở là lưu trữ thông tin và có thể là xử lí thông tin nữa.  d. Em thực hiện một phép tính nhẩm là xử lí thông tin. |

**Hoạt động 2: Xử lí thông tin trong máy tính**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được ví dụ minh họa máy tính là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thầm thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *Ý chính mà đoạn văn bản muốn truyền đạt là gì?*  - GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trang 10 sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS chia nhóm 4 – 6 người và trả lời hai câu hỏi sau:  *+ Em hãy nêu ví dụ máy tính giúp con người trong bốn bước xử lí thông tin.*  *+ Em hãy so sánh hiệu quả thực hiện công việc trên khi sử dụng và không sử dụng máy tính?*  - GV gọi HS đứng dậy đọc thông tin trong Sgk, sau đó giảng giải cho HS để HS hiểu được xử lí thông tin trong máy tính cũng bao gồm các hoạt động xử lí thông tin giống như ở người.  *-* GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trang 11 sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | **2. Xử lí thông tin trong máy tính**  **NV1:**  + Máy tính có thể thực hiện các chức năng ở cả bốn bước xử lí thông tin giống như con người.  + Máy tính thực hiện việc đó bằng các thành phần tương ứng với các hoạt động xử lí thông tin.  ***Trả lời câu hỏi:***  Câu 1: Đáp án B  Câu 2: Đáp án C.  **NV2:**  - Một số ví dụ:  + Soạn thảo văn bản, tính toán số học  + Chuyển văn bản thành giọng nói và ngược lại  + Dịch tự động từ văn bản và từ hình ảnh  + Các ứng dụng di động, thông minh có hỗ trợ của Internet (thời tiết, thời sự, tìm đường, mua hàng, thanh toán...)  - Hiệu quả công việc sử dụng máy tính nhanh hơn so với khi không sử dụng máy tính. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập hoạt động 2.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt vấn đề, yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 và 2 trang 11, sgk*

*- HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời câu hỏi*

**Câu 1**. Vật mang tin xuất hiện trong hoạt động lưu trữ của quá trình xử lí thông tin. Bộ nhớ ngoài là vật mang tin.

**Câu 2**.

a) Quan sát đường đi của tàu biển: Thu nhận thông tin.

b) Ghi chép các sự kiện của một chuyến tham quan: Lưu trữ thông tin.

c) Chuyển thể một bài văn xuôi thành văn vần: Xử lí thông tin.

d) Thuyết trình chủ để tình bạn trước tập thể lớp: Truyền thông tin.

*- GV gọi HS đứng dậy trình bày, gọi HS khác nhận xét, GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS suy nghĩ và thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 11, sgk.*

*- HS tiếp nhận, suy nghĩ và trả lời câu hỏi*

**Câu 1**.

+ Thu nhận thông tin: Trả lời các câu hỏi: Đi đâu? Với ai? Xem gì? Chơi gì? Ăn gì? Mặc gì?...

+ Lưu trữ thông tin: Ghi chép nội dung chuẩn bị vào giấy hoặc số để không bị quên vì có nhiều chỉ tiết cụ thể.

+ Xử lí thông tin: Chuyển nội dung phức tạp thành dạng sơ đồ hoá, kẻ bảng.... để hình dung được toàn thể kế hoạch (như sơ đồ tư duy chẳng hạn).

+ Truyền thông tin: Trao đổi với người lớn, cô giáo để củng cố kế hoạch. Chia sẻ với bạn trong lớp để hoàn thiện kế hoạch và tổ chức hoạt động.

*- GV gọi HS đứng dậy trình bày, gọi HS khác nhận xét, GV đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 4/10/2022

## Tiết 5+ 6 BÀI 3: THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kiểu kí hiệu 0 và 1

- Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin

- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin

- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ,...

**2. Năng lực**

**a. Năng lực tin học:**

- Hình thành tư duy về mã hóa thông tin

- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ

**b. Năng lực chung:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Hình thành ý thức về sự đo lường, từ đó cân nhắc mức độ của các hành vi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, tài liệu tham khảo, phòng máy vi tính, máy chiếu, hình vẽ thể hiện quy tắc chuyển chữ, hình, tiếng thành dãy bit như trong sgk. Với chữ có thể mở rộng bảng mã hóa để HS mã hóa một âm tiết như FACE, HOCSINH hay TINHOC,...

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình bày vấn đề:* Trong bài học trước, chúng ta đã biết rằng máy tính có thể xử lí được thông tin nhưng làm thế nào để máy tính có thể hiểu được những dữ liệu chúng ta chuyển cho nó xử lí?

Con người dùng các chữ số, chữ cái và kí hiệu để diễn đạt suy nghĩ của mình cho người khác hiểu, tuy nhiên máy tính thông dụng hiện nay chỉ làm việc với hai kí hiệu là 0 và 1. Cụ thể chúng ta cùng đến với hoạt động 1: Mã hóa

*- Gv hướng dẫn hoạt động 1:* Cho các số từ 0 đến 7 được viết thành dãy tăng dần từ trái sang phải. Em hãy quan sát hình 1.3 và đọc hướng dẫn để biết cách mã hóa số 4.

Cách thực hiện như sau:

- Bước 1. Thu gọn dãy số bằng cách sau

* Chia dãy số thành 2 nửa (trái, phải) đều nhau
* Kiểm tra xem số 4 thuộc nửa trái hay nửa phải
* Ghi lại vị trí của số 4 (trái hoặc phải)
* Bỏ đi nửa dãy số không chứa số 4. Giữ lại nửa dãy số chứa số 4
* Sau mỗi lần thực hiện, dãy số được thu gọn còn một nửa. Thực hiện thu gọn dãy số ba lần cho đến khi còn lại số 4.

- Bước 2: Chuyển dãy vị trí thu được (phải, trái, trái) thành 0,1 theo quy tắc: trái thành o, phải thành 1. Như vật số 4 được mã hóa thành 100.

- *GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Hãy mã hóa số 3 và số 6 theo cách như trên. Hai dãy kí hiệu nhận được có giống nhau không?

*- HS thảo luận, trả lời:* Hai dãy kí hiệu nhận được không giống nhau. Số 3 mã hóa thành 011. Số 6 mã hóa thành 110

=> ***GV dẫn vào bài học mới, bài 3: Thông tin trong máy tính.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn số**

**a. Mục tiêu:** Hs giải thích được, có thể biểu diễn được thông tin con số dưới dạng dãy bit.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV nhắc lại cách chuyển đổi trong hoạt động 1.  Mỗi số từ 0 đến 7 có thể chuyển thành một dãy gồm 3 kí hiệu 0 và 1 như sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | | 000 | 001 | 010 | 011 | 00 | 101 | 110 | 111 |   GV đưa ra câu hỏi, HS trả lời:  + Bằng cách mã hóa như trên thì với dãy đã cho dài gấp đôi thì mỗi số sẽ được chuyển thành dãy có bao nhiêu kí hiệu 0 và 1. Lấy một số bất kì để chứng minh câu trả lời đó?  + Theo em, như thế nào gọi là dãy bit? Kí hiệu của dãy bit là gì?  + Chúng ta có thể chuyển một số bất kì thành một dãy bit được không?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | **1. Biểu diễn thông tin trong máy tính**  ***a. Biểu diễn số***  - Với dãy số dài gấp đôi thì mỗi số sẽ được chuyển thành dãy có 4 kí hiệu 0 và 1.  - Mỗi dãy các kí hiệu 0 và 1 như vậy được gọi là dãy bit. Kí hiệu là một **bit.**  **-** Người ta có thể chuyển một số bất kì thành một dãy bit bằng cách tương tự như đã thực hiện ở trên. |

**Hoạt động 2:** **Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hs giải thích được, có thể biểu diễn được thông tin văn bản dưới dạng dãy bit.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS đọc nội dung Sgk và hướng dẫn HS cách thực hiện mã hóa từ “CAFE”.  + B1: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự C - 01000011  + B2: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự A - 01000001  + B3: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự F - 01000110  + B4: tìm dãy bit biểu diễn của kí tự E - 01000101  Kết quả hiển thị:    Như vậy:  + Văn bản được chuyển thành dãy bit bằng cách nào?  + Hãy chuyển từ “DA CA” thành dãy bit?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | **1. Biểu diễn thông tin trong máy tính**  ***b. Biểu diễn văn bản***  - Văn bản gồm các chữ cái (cả chữ hoa và chữ thường), các chữ số, dấu câu, kí hiệu, ... được gọi chung là các kí tự.  - Văn bản được chuyển thành dãy bit bằng cách chuyển từng kí tự một.  - Chuyển từ “DA CA” thành dãy bit như sau:  + dãy bit biểu diễn của kí tự D -01000100  + dãy bit biểu diễn của kí tự A - 01000001  + dãy bit biểu diễn của kí tự C - 01000011  + dãy bit biểu diễn của kí tự A - 01000001 |

**Hoạt động 3: Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn hình ảnh**

**a. Mục tiêu:** Hs giải thích được, có thể biểu diễn được thông tin hình ảnh dưới dạng dãy bit.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS đọc nội dung Sgk và hướng dẫn HS cách thực hiện mã hóa từ ảnh.  Ví dụ: Ta cần chuyển hình ảnh chữ A trong một lưới 8 x 8 thành dãy bit. Ta kí hiệu màu đen là 1 và màu trắng là 0. Khi đó, hình ảnh đen trắng của chữ A được chuyển thành dãy bit trong hình dưới đây.    Tương tự như vậy, GV yêu cầu HS chuyển hình ảnh chữ 0 thành dãy bit    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận nhóm  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS lên bảng trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | **1. Biểu diễn thông tin trong máy tính**  ***c. Biểu diễn hình ảnh***  - Hình ảnh kĩ thuật số được tạo thành từ các điểm ảnh (pixel). Mỗi pixel trong một ảnh đen trắng được biểu thị bằng 1 bit.  - Kết quả chuyển đổi chữ O thành dãy bit như sau: |

**Hoạt động 4:** **Biểu diễn thông tin trong máy tính – Biểu diễn âm thanh**

**a. Mục tiêu:** Hs giải thích được, có thể biểu diễn âm thanh dưới dạng dãy bit.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đọc nội dung sgk và trả lời câu hỏi:  + Âm thanh được phát ra từ đâu?  + Làm cách nào để chuyển âm thành thành dãy bit?  Sau khi HS trả lời câu hỏi, GV đưa ví dụ để giải thích cụ thể cho HS nắm rõ hơn.  Ví dụ:    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận thông tin.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS ghi chép nội dung vào vở  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV chuẩn kiến thức cần ghi nhớ của tiết học. | **1. Biểu diễn thông tin trong máy tính**  ***d. Biểu diễn âm thanh***  - Âm thanh được phát ra nhờ sự rung lên của màng loa, của dây đàn, dây thanh quản... Khi dây đàn rung lên, nó rung càng nhanh âm thanh phát ra sẽ càng cao.  - Tốc độ rung được ghi lại dưới dạng giá trị số, từ đó chuyển thành dãy bit. |

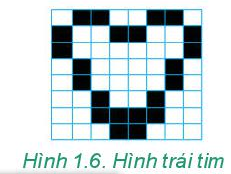
**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập hoạt động 2.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trong sgk:*

Trong hình vuông mỗi chiều 8 ô, vẽ hình một trái tim như hình 1.6

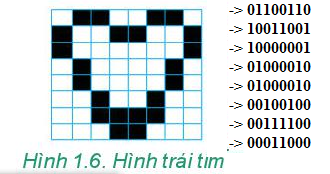


a. Em hãy chuyển đổi mỗi dòng trong hình vẽ thành một dãy bit

b. Em hãy chuyển cả hình vẽ thành dãy bit băng cách nối các dãy bit của các dòng lại với nhau (từ trên xuống dưới).

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

a. Chuyển đổi mỗi dòng trong hình thành 1 dãy bit



b. Chuyển cả hình thành 1 dãy bit: 01100110 10011001 10000001 01000010 01000010 00100100 00111100 00011000

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm:*

**Câu 1:** Dãy bit là gì?

A. Là dãy những kí hiệu 0 và 1

B. Là âm thanh phát ra từ máy tính

C. Là một dãy chỉ gồm 2 chữ số

D. Là dãy những chữ số từ 0 đến 9

**Câu 2:** Máy tính sử dụng dãy bit để làm gì?

A. Biểu diễn các số

B. Biểu diễn văn bản

C. Biểu diễn hình ảnh, âm thanh

D. Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh

*- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:*

**Câu 1:** Đáp án A

**Câu 2:** Đáp án D

**-** *GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 11/10/2022

## Tiết 6 BÀI 3: THÔNG TIN TRONG MÁY TÍNH (TIẾT 2)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Giải thích được việc có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kiểu kí hiệu 0 và 1

- Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin

- Nêu được tên và độ lớn của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin

- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, thẻ nhớ,...

**2. Năng lực**

**a. Năng lực tin học:**

- Hình thành tư duy về mã hóa thông tin

- Ước lượng được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ

**b. Năng lực chung:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Hình thành ý thức về sự đo lường, từ đó cân nhắc mức độ của các hành vi.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, tài liệu tham khảo, phòng máy vi tính, máy chiếu, hình vẽ thể hiện quy tắc chuyển chữ, hình, tiếng thành dãy bit như trong sgk. Với chữ có thể mở rộng bảng mã hóa để HS mã hóa một âm tiết như FACE, HOCSINH hay TINHOC,...

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Gợi nhớ lại kiến thức đã học ở tiết trước cho HS, giúp học sinh củng cố lại kiến thức thông qua bài tập nhanh.

**b. Nội dung:** Yêu cầu hs nhắc lại kiến thức về các cách biểu diễn thông tin trong máy tính, hs trao đổi trả lời câu hỏi.

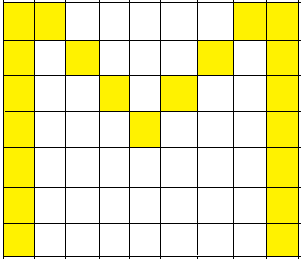
**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi:*

**Câu 1:** Ở tiết học trước, chúng ta đã được học mấy cách biểu diễn thông tin trong máy tính? Đó là những cách nào?

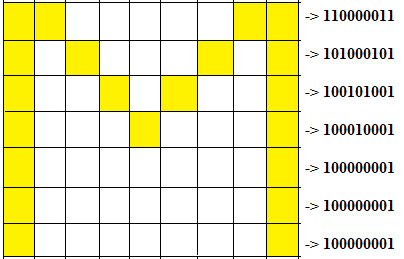
**Câu 2:** Hai học sinh lên bảng chuyển đổi mỗi dòng trong hình dưới đây thành dãy bit?



*- Hs tiếp nhận câu hỏi, xung phong trả lời*

**Câu 1:** Có 4 cách biểu diễn thông tin trong máy tính: Biểu diễn số, văn bản, hình ảnh, âm thanh.

**Câu 2:**



*=> GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS vào tiết học mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động : Đơn vị đo thông tin**

**a. Mục tiêu:** Hs giải thích được, có thể biểu diễn âm thanh dưới dạng dãy bit.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS đọc nội dung sgk và trả lời câu hỏi:  + Thông tin máy tính được tổ chức dưới dạng nào? Và được lưu trữ trong các thiết bị nào?  + Để đo dung lượng thông tin người ta dùng đơn vị nào?  + Hãy nêu một số đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin mà em biết?  + Ngoài bộ nhớ trong, dung lượng máy tính còn trao đổi dữ liệu ở đâu?  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **Câu 1.** Em hãy quan sát hình sau và cho biết thông tin về dung lượng của từng ổ đĩa?    **Câu 2.** Em hãy quan sát hình sau và cho biết dung lượng của mỗi tệp    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận thông tin, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trả lời câu hỏi  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + HS ghi chép bài đầy đủ vào vở | **2. Đơn vị đo thông tin**  - Thông tin máy tính được tổ chức dưới dạng tệp.  - Đực lưu trữ trong các thiết bị như thẻ nhớ, đĩa cứng...  - Để đo dung lượng thông tin người ta thường dùng đơn vị byte (dãy 8 bit liên tục).    - Một số đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin khác:  + Ngoài bộ nhớ trong, dung lượng máy tính còn trao đổi dữ liệu với các bộ nhớ ngoài như thẻ nhớ, đĩa quang, đĩa cứng, ...Trong đó, thẻ nhớ là loại được sử dụng ưa thích vì nhỏ gọn mà lưu trữ được nhiều dữ liệu.  *Trả lời câu hỏi:*  **Câu 1:** Dung lượng của từng ổ đĩa   * Ổ đĩa C: 109 GB * Ổ đĩa E: 111 GB * Ổ đĩa F: 169 GB * Ổ đĩa G: 186 GB   **Câu 2:** Dung lượng của từng tệp   * IMG\_0013.jpg :    372 KB * IMG\_0014.jpg :    408KB * IMG\_0023.jpg :    482 KB * IMG\_0024.jpg :    512 KB * IMG\_0038.jpg :    372 KB * IMG\_0039.jpg :    372 KB * IMG\_0041.jpg :    372 KB * IMG\_0046.jpg :    372 KB |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trong sgk:*

**Câu 1.** Một GB xấp xỉ bao nhiêu byte?

A. Một nghìn byte

B. Một triệu byte

C. Một tỷ byte

D. Một nghìn tỉ byte

**Câu 2.** Giả sử một bức ảnh được chụp bằng một máy ảnh chuyên nghiệp có dung lượng khoảng 12MB. Vậy một thẻ nhớ 16GB có thể chứa bao nhiêu bức ảnh như vậy?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** C là đáp án đúng: Một GB tương đương với khoảng một tỉ byte

**Câu 2.** Không cần đưa ra con số chính xác (1333) mà chỉ cần ước lượng khoảng 1300 bức ảnh là đạt yêu cầu.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi trắc nghiệm:*

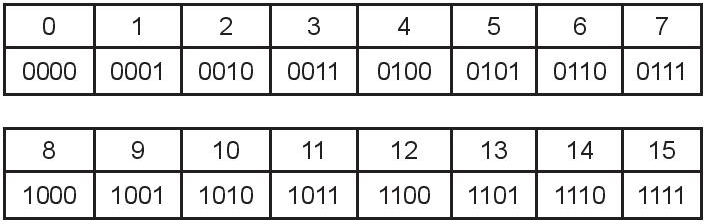
**Câu 1.** Em hãy kiểm tra và ghi lại dung lượng các ổ đĩa của máy tính mà em đang sử dụng

**Câu 2.** Thực hiện tương tự như Hoạt động 1 với dãy các số từ 0 đến 15 để tìm mã hóa của các số từ 8 đến 15 và đưa ra nhận xét.

*- HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi:*

**Câu 1.** Hướng dẫn HS cách đơn giản nhất để kiểm tra dung lượng ổ đĩa: Nháy nút phải chuột vào Computer, chọn Properties.

**Câu 2.** Tương tự như Hoạt động 1, để mã hóa một số, ta cần phải thực hiện bốn lần thu gọn dãy số từ 0 đến 15 để còn lại duy nhất số đó. Vì vậy, mỗi số trong dãy sẽ được mã hóa thành dãy gồm bốn bit. Cụ thể là:



**-** *GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 18/10/2022

# CHỦ ĐỀ B. MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

## Tiết 7+8 BÀI 4: MẠNG MÁY TÍNH (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Nêu được mạng máy tính là gì và lợi ích của nó trong cuộc sống

- Kể được tên những thành phần chính của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến, bộ định tuyến không dây...

- Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:*** Rèn luyện năng lực tư duy trừu tượng, khái quát hóa thông qua những điểm chung giữa mạng máy tính với các loại mạng khác.

***b. Năng lực chung*:** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Phát triển tinh thần hợp tác, chia sẻ tài nguyên và trách nhiệm trong làm việc nhóm.

- Khuyến khích sự cởi mở, làm việc với mục tiêu chung và trách nhiệm cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, tài liệu tham khảo, phòng máy vi tính, máy chiếu, video hoặc hình ảnh về lợi ích của các mạng lưới.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu 2 HS đứng dậy, đóng vai An và Khoa để đọc đoạn mở đầu.*

*- GV yêu cầu HS trả lời HĐ1 trong sgk.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và trả lời:*

+ Có nhiều loại mạng lưới

+ Mạng lưới được phân loại theo hàng hóa mà nó vận chuyển.

+ Điểm chung của các mạng lưới: Kết nối và chia sẻ.

*=> GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS vào* ***bài 4: Mạng máy tính.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Mạng máy tính là gì?**

**a. Mục tiêu:** Hs hiểu và hình dung về mạng máy tính.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung sgk và trả lời câu hỏi: *Đặc điểm chung của mạng lưới là gì?*  - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trang 17 sgk:  *+ Mạng máy tính chia sẻ những gì?*  *+ Em hãy nêu một số ví dụ về lợi ích của mạng máy tính?*  - GV tiếp tục yêu cầu HS đọc thông tin sgk, trả lời câu hỏi: *Em hãy thảo luận với bạn về lợi ích của mạng máy tính?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe bạn đọc bài, tiếp nhận thông tin, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1. Mạng máy tính**  - Đặc điểm chung của mạng lưới là kết nối và chia sẻ.  **- Hđ2**:  + Mạng máy tính chia sẻ dữ liệu và cho phép người sử dụng chung thiết bị.  + Một số lợi ích của mạng: Cho phép chia sẻ tài nguyên giữa con người, giữa những vùng địa lí xa nhau, tiết kiệm thời gian... |

**Hoạt động 2: Các thành phần của mạng máy tính**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thành phần chính của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, bộ chuyển mạch, bộ định tuyến, bộ định tuyến không dây...

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 3 trang 18 sgk:    *+ Quan sát hình 2.1 và cho biết những thiết bị nào đang được nối vào mạng?*  *+ Các thiết bị đó được nối với nhau như thế nào? Qua các thiết bị trung gian nào?*  - GV gọi 1 HS đứng dậy đọc to, rõ ràng nội dung thông tin phần 2 trong sgk và yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi:  *+ Em hãy quan sát hình 2.1 và cho biết:*  *a. Tên các thiết bị đầu cuối*  *b. Tên các thiết bị kết nối*  *+ Em hãy kể tên một số cách kết nối không dây mà em biết?*  *+ Em hãy nêu ví dụ cho thấy kết nối không dây thuận tiện hơn kết nối có dây?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe bạn đọc bài, tiếp nhận thông tin, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Các thành phần của mạng máy tính**  **Hđ3:**  - Tất cả thiết bị trong hình đều được kết nối vào mạng.  - Chúng được kết nối với nhau bằng dây dẫn mạng hoặc sóng vô tuyến.  - Các thiết bị kết nối trong hình: Bộ chuyển mạch và bộ định tuyến không dây.  ***Trả lời câu hỏi:***  - a. Thiết bị đầu cuối: máy chủ, máy tính để bàn, máy tính xách tay, điện thoại di động, máy quét, máy in.  b. Thiết bị kết nối: Bộ chuyển mạch, bộ định tuyến không dây, đường truyền dữ liệu,...  - Một số cách kết nối không dây: bluetooth, wifi...  - Ví dụ: Máy tính bàn chỉ sử dụng được ở nhà, máy laptop có thể sử dụng bất cứ đâu có mạng wifi. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 trong sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Câu đúng: Máy tính kết nối với nhau để chia sẻ thiết bị (A) và trao đổi dữ liệu (C).

**Câu 2.** Trong hình 2.2, thiết bị có kết nối không dây là: máy tính xách tay (B), điện thoại di động (C).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

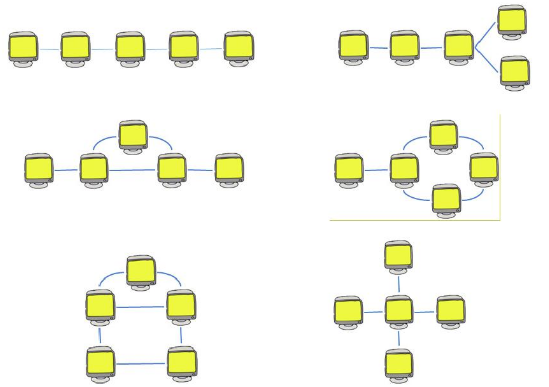
**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc và thực hiện BT1phần vận dụng, trang 19sgk, nhóm có đáp án đúng nhiều nhất được tặng điểm số.*

*- Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận và đưa ra các đáp án.*



**-** *GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi, cho điểm nhóm có nhiều đáp án đúng, GV chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút HS tham gia học tập tích cực  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

TRƯỜNG THCS DIỄN KIM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM**

TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

MÔN TIN HỌC LỚP 6

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vi kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng̣** | | **Vận dung cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Chủ đề A**  **Máy tính và cộng đồng** | Thông tin và dữ  liệu | 4 |  | 5 |  |  | 1 |  |  | 42,5%  4,25đ |
| Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính | 5 |  | 4 |  |  |  |  | 1 | 32,5%  3,25đ |
| **2** | **Chủ đề B**  **Mạng máy tính và internet** | Giới thiệu về mạng máy tính | 7 |  | 3 |  |  |  |  |  | 25%  2,5đ |
|  |  | ***Tổng*** | ***16*** |  | ***12*** |  |  | ***1*** |  | ***1*** | ***30*** |
|  |  | **Tỉ lê ̣%** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
|  |  | **Tỉ lê ̣chung** | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIƯA KÌ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức đô ̣đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhân thức** | | | |
| **Nhâṇ biết** | **Thông hiểu** | **Vâṇ dung̣** | **Vận ̣ dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng** | Thông tin và dữ liệu | **Nhân bịết**  Trong các tình huống cụ thể có sẵn:   * Phân biệt được thông tin với vật mang tin * Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu.   Nêu được các bước cơ bản trong xử lí thông tin  **Thông hiểu**  - Nêu được ví dụ minh hoạ về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu  - Nêu được ví dụ minh hoạ tầm quan trọng của thông tin.  **Vận dụng**  Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ cụ thể. | 4 (TN) | 5 (TN) | 1(TL) |  |
|  |  | 2. Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính | **Nhận biết**  - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.  - Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte.  **Thông hiểu**  - Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1.  **Vận dụng cao**  Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,… | 5 (TN) | 4 (TN) |  | 1 (TL) |
| **2** | **Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet** | Giới thiệu về mạng máy tính | **Nhận biết**  – Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính.  - Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,...  **Thông hiểu**  Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. | 7(TN) | 3(TN) |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16 ( NB)** | **12 ( TH)** | **1 (TL)** | **1 (TL)** |
| **Tỷ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỷ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

**3. HƯỚNG DẪN RA ĐỀ KIỂM TRA THEO MA TRẬN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức đô ̣đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhân thức** | | | |
| **Nhâṇ biết** | **Thông hiểu** | **Vâṇ dung̣** | **Vận ̣ dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và cộng đồng** | Thông tin và dữ liệu | **Nhân bịết**  Trong các tình huống cụ thể có sẵn:   * Phân biệt được thông tin với vật mang tin **(Câu 1), (câu 2)**   Nhận biết được sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu**(Câu 3)**  Nêu được các bước cơ bản trong xử lí thông tin.**(Câu4)**  **Thông hiểu**  - Nêu được ví dụ minh hoạ về mối quan hệ giữa thông tin và dữ liệu**(Câu 17)** (**Câu 18)**  - Nêu được ví dụ minh hoạ tầm quan trọng của thông tin  (**Câu 19)**(**Câu 20)** (**Câu 21)**  **Vận dụng**  Giải thích được máy tính và các thiết bị số là công cụ hiệu quả để thu thập, lưu trữ, xử lí và truyền thông tin. Nêu được ví dụ minh hoạ cụ thể. (**Câu 29)** | 4 (TN) | 5 (TN) | 1(TL) |  |
|  |  | 2. Biểu diễn thông tin và lưu trữ dữ liệu trong máy tính | **Nhận biết**  - Biết được bit là đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin.(**Câu 5)**  - Nêu được tên và độ lớn (xấp xỉ theo hệ thập phân) của các đơn vị cơ bản đo dung lượng thông tin: Byte, KB, MB, GB, quy đổi được một cách gần đúng giữa các đơn vị đo lường này. Ví dụ: 1KB bằng xấp xỉ 1 ngàn byte, 1 MB xấp xỉ 1 triệu byte, 1 GB xấp xỉ 1 tỉ byte. .(**Câu 5)** .(**Câu 6)** (**Câu 7)** (**Câu 8)**(**Câu 9)**  **Thông hiểu**  - Giải thích được có thể biểu diễn thông tin chỉ với hai kí hiệu 0 và 1. (**Câu 22)**(**Câu 23)** (**Câu 24)**(**Câu 25)**  **Vận dụng cao**  Xác định được khả năng lưu trữ của các thiết bị nhớ thông dụng như đĩa quang, đĩa từ, đĩa cứng, USB, CD, thẻ nhớ,… (**Câu 30)** | 5 (TN) | 4 (TN) |  | 1 (TL) |
| **2** | **Chủ đề B. Mạng máy tính và Internet** | Giới thiệu về mạng máy tính | **Nhận biết**  – Nêu được khái niệm và lợi ích của mạng máy tính. (**Câu 10)**(**Câu 11)**  - Nêu được các thành phần chủ yếu của một mạng máy tính (máy tính và các thiết bị kết nối) và tên của một vài thiết bị mạng cơ bản như máy tính, cáp nối, Switch, Access Point,... (**Câu 12)**(**Câu 13)** (**Câu 14)**  - Nêu được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet. (**Câu 15)**(**Câu 16)**  **Thông hiểu**  Nêu được ví dụ cụ thể về trường hợp mạng không dây tiện dụng hơn mạng có dây. (**Câu 26)**(**Câu 27)** (**Câu 28)** | 7(TN) | 3(TN) |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16 ( NB)** | **12 ( TH)** | **1 (TL)** | **1 (TL)** |
| **Tỷ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỷ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: TIN HỌC, Lớp 6**

*Thời gian làm bài*: 45 phút

**PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1: Thông tin là gì ?**

A. Thông tin là việc tiếp nhận, xử lí, lưu trữ và trao đổi thông tin

B. Thông tin là nghiên cứu việc thực hiện các hoạt động thông tin một cách tự động trên cơ sở sử dụng máy tính điện tử

C. Thông tin là tất cả những gì con người thu nhận được từ sách vở, báo chí và về chính mình

D. Thông tin là tất cả những gì con người thu nhận được từ thế giới xung quanh (sự vật, sự kiện, ...) và về chính mình

**Câu 2: Công cụ nào sau đây KHÔNG phải là vật mang tin ?**

A. Thẻ nhớ B. Cuộn phim C. Cái xô D. Cuốn sách

**Câu 3: Các hoạt động xử lý thông tin gồm :**

A. Đầu vào, đầu ra B. Thu nhận, xử lý, lưu trử, truyền

C. Nhìn nghe, suy đoán, kết luận D. Mở bài, thân bài, kết luận

**Câu 4: Bit là gì ?**

A. Là một đồ vật B. Là bài hát

C. Là đơn vị đo nhỏ nhất trong lưu trử thông tin D. Bộ phim

**Câu 5: Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng?**

A. Thông tin B. Dãy bit C. Số thập phân D. Các ký tự

**Câu 6: Đâu là đơn vị đo dung lượng thông tin?**

A. m (mét) B. kg (ki lô gam) C. B (byte) D. l (lít)

**Câu 7: Mạng máy tính gồm?**

A. Thối thiểu 10 máy tính kết nối lại với nhau B. Một số máy tính xách tay

C. Tất cả các máy tính trong một phòng học D. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau

**Câu 8: Nhận định nào KHÔNG phải là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính ?**

A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng

B. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm

C. Người sử dụng độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng cho riêng họ

D. Cho phép chia sẻ dữ liệu tăng hiệu quả sử dụng

**Câu 9: Các thiết bị nào dưới đây thường dùng mạng không dây?**

A. Máy tính bàn B. Máy in C. Máy tính xách tay D. Bộ chuyển mạch

**Câu 10: Phát biểu nào sau đây KHÔNG chính xác?**

A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều

B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vi không cần khoan đục và lắp đặt đường dây

C. Mạng không dây thường sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại…

D. Mạng không dây mạnh và ổn định hơn mạng có dây

**Câu 11: mạng máy tính là gì ?**

A. Là máy tính B. Là mạng liên kết các mạng máy tính trên khắp thế giới

C. Là trò chơi điện tử D. Là mạng điện thắp sáng

**Câu 12: Khẳng định nào sau đây là ĐÚNG ?**

A. Mạng chỉ kết nối hai máy tính lại với nhau

B. Mạng chỉ kết nối ba máy tính lại với nhau

C. Mạng chỉ kết nối bốn máy tính lại với nhau

D. Rất nhiều máy tính lại với nhau

**Câu 13: Phát biểu nào sau đây KHÔNG phải là đặc điểm của mạng máy tính ?**

A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu B. Có nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú

C. Thông tin khó tiếp cận D. Không thuộc quyền sở hữu của ai

**Câu 14: Đáp án nào là đặc điểm của mạng máy tính?**

A. Tính đối phó B. Tính đa dạng

C. Tinh băt buộc công khai người dùng D. Tính không tương tác

**Câu 15: Có mấy đặc điểm chính của mạng máy tính ?**

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 16: Ai là chủ sở hữu mạng máy tính ?**

A. Tổ chức liên hiệp quốc B. Hội chữ thập đỏ thế giới

C. Nước Mỹ D. Không chủ sở hữu

***Bảng thống kê thông tin học sinh thực hiện 5K tròng phòng chống covid 19 trường THCS Phúc thọ như sau :***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lớp* | *6A* | *6B* | *6C* | *7A* | *7B* | *7C* | *8A* | *8B* | *8C* | *9A* | *9B* | *9C* |
| *Sĩ số* | *35* | *31* | *29* | *45* | *44* | *44* | *41* | *41* | *36* | *34* | *37* | *32* |
| *Không treo khâu trang* | *5* | *0* | *2* | *3* | *6* | *4* | *3* | *1* | *0* | *0* | *2* | *1* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Câu 17: Những nhận xét về bảng thống kê trên nhận xét nào sau đây là ĐÚNG ?**

A. Số học sinh các lớp là thông tin B. Dòng lớp là vật mang tin

C. Con số và chữ viết trên bảng là dữ liệu, số học sinh không chấp hành thực hiện 5K là thông tin

D. Sĩ số học sinh là vật mang tin

**Câu 18: Thứ tự các hoạt động của quá trình xử lý thông tin bao gồm những gì?**

A. Thu nhận, lưu trữ, xử lý và truyển thông tin

B. Thu nhận, xử lý, lưu trữ và truyển thông tin

C. Thu nhận, xử lý, truyển thông tin và lưu trữa

D. Xử lý, thu nhận, lưu trữ và truyển thông tin

**Câu 19: Thiết bị nào sau đây của máy tính được ví như bộ não của con người?**

A. Màn hình B. CPU C. Bàn phím D. Con chuột

**Câu 20: Cách viết ký hiệu và giá trị tương ứng nào sau đây là SAI?**

A. B giá trị là 1B B. KB giá trị là 1000 B

C. MB giá trị là 1024 KB D. GB giá trị là 1024 MB

**Câu 21: Bao nhiêu ‘byte’ tạo thành một ‘kilobyte’?**

A. 8 B. 64 C. 1024 D. 2048

**Câu 22: Đổi 5 MB bằng bao nhiêu B ?**

A. 5000000 B. 25000000 C. 10000 D. 5242880

**Câu 23: Mạng máy tính gồm các thành phần?**

A. Máy tính và thiết bị kết nối B. Thiết bị kết nối và thiết bị kết nối

C. Thiết bị kết nối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng D. Máy tính và phần mềm mạng

**Câu 24: Thiết bị nào sau đây KHÔNG phải là thiết bị mạng cơ bản?**

A. Bàn phím B. Máy in

C. Bộ định tuyến D. Máy tính xách tay

**Câu 25: Các thiết bị kết nối mạng là?**

A. Máy tính, máy in B. điện thoại thông minh, máy ảnh

C. Bộ chuyển mạch, đường truyền dữ liệu D. Ti vi, loa

**Câu 26: Những việc nào sau đây internet KHÔNG thể giúp em được ?**

A. Học trực tuyến B. Rửa bát C. Tra cứu thông tin D. Giải trí

**Câu 27: Những nhận xét nào sau đây là ĐÚNG về internet?**

A. Trao đổi thông tin chậm

B. Thông tin và dữ liệu nghèo nàn

C. Cung cấp thông tin và nguồn tài liệu phong phú

D. không có các trò chơi trực tuyến

**Câu 28: Internet ảnh hưởng như thế nào đối với xã hội**

A. Làm xã hội chậm phát triển

B. Góp phần thúc đẩy xã hôi phát triển

C. không giải phóng sức lao động con người

D. Làm cho nghành công nghiệp kém phát triển

**II. PHẦN TỰ LUẬN (2 điểm)**

**Câu 29:** Trong các thiết bị của hệ thống máy tính, theo em thiết bị nào là thiết bị đầu vào, thiết bị đầu ra, thiết bị xử lý và lưu trữ thông tin? Cho ví dụ cụ thể?

**Câu 30**: Một thẻ nhớ 4 GB chứa được khoảng bao nhiêu bản nhạc ? Biết rằng mỗi bản nhạc có dung lượng 4 MB.

**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | D | C | B | C | B | C | D | C | C | D | B | D | C | B | D | D |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Câu** | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |  | | | |
| **Đáp án** | C | A | B | B | C | D | C | A | C | B | C | B |  | | | |

**\* Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,25 điểm.**

Ngày soạn: 10/11/2022

## Tiết 10+11 BÀI 5: INTERNET (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Biết Internet là gì?

- Biết một số đặc điểm và lợi ích chính của Internet

**2. Năng lực**

- Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy loogic, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề, giúp các em phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.

- Nội dung trong bài học gắn liền với thực tế nên giúp các em vận dụng được kiến thức của bài học vào cuộc sống một cách linh hoạt và sáng tạo.

**3. Phẩm chất:** Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, một số hình ảnh về Internet, nội dung hoạt động nhóm, phiếu đánh giá, bảng nhóm cho hoạt động nhóm, máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về Internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu 2 HS đứng dậy, đóng vai An và Minh đọc đoạn mở đầu.*

*- GV nhận xét hai bạn đóng vai, đặt vấn đề:* Đoạn hội thoại trên đang giới thiệu với chúng ta về mạng internet. Vậy Internet là gì và nó có những đặc điểm và lợi ích gì, chúng ta cùng đến với **bài 5: Internet**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Internet**

**a. Mục tiêu:** Biết được Internet là gì.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi vào bảng nhóm:  *+ Em hiểu Internet là gì?*  *+ Người sử dụng Internet có thể làm được gì khi truy cập Internet?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi HS đứng dậy đọc thông tin sgk và trả lời câu hỏi:  *+ Muốn truy cập Internet thì máu tính cần phải làm gì?*  *+ Em hãy nêu một số nhà cung cấp dịch vụ Internet?*  *+ Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet là gì?*  - GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức.  - Tiếp đó, GV yêu cầu HS hoàn thành nhanh câu hỏi trang 21 sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Internet**  **NV1:**  - Internet là mạng máy tính toàn cầu kết nối các máy tính và các mạng máy tính.  - Khi truy cập internet, người sử dụng có thể tìm kiếm, trao đổi và chia sẻ thông tin (liên lạc với người khác qua điện thoại hoặc thư điện tử, học ngoại ngữ, xem tin tức, nghe nhạc, xem phim, chơi game...).  **NV2**:  - Máy tính cần có kết nối với Internet.  - Nhà cung cấp internet: FPT, VNPT, Viettel...  - Các dịch vụ thông tin phổ biến trên Internet: WWW, tìm kiếm thông tin, thư điện tử...  ***Trả lời câu hỏi:***  a. ...liên kết.... mạng....  b. ...chia sẻ.... thông tin....  c. .....dịch vụ.... |

**Hoạt động 2: Đặc điểm của Internet**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được các đặc điểm chung của Internet: toàn cầu, tương tác, dễ tiếp cận, không chủ sở hữu, cập nhật...

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và trả lời: *Theo em Internet có những đặc điểm gì?*  - GV đánh giá bài làm của HS sau đó trình bày trước lớp các đặc điểm chính của Internet:  *+ Tính toàn cầu*  *+ Tính tương tác*  *+ Tính dễ tiếp cận*  *+ Tính không chủ sở hữu*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trang 21 sgk:  *+ Internet có những đặc điểm chính nào dưới đây?*  *+ Trong các đặc điểm của Internet, em thích đặc điểm nào nhất, vì sao?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả.  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện các nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Đặc điểm của Internet**  + Tính toàn cầu: Là mạng máy tính được hàng tỉ người sử dụng trên toàn cầu.  + Tính tương tác: người dùng có thể nhận và gửi thông tin.  + Tính dễ tiếp cận: Tốc độ truy cập cực nhanh, có thể thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi.  + Tính không chủ sở hữu: là mạng máy tính toàn cầu, không thuộc cá nhân hay tổ chức nào sở hữu.  ***Trả lời câu hỏi:***  + Đặc điểm chính của Internet gồm đáp án: A, B, D, F  + hs trả lời theo cảm nhận, suy nghĩ của mình. |

**Hoạt động 3: Một số lợi ích của Internet**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được các lợi ích của Internet, thấy được sức ảnh hưởng của Internet tới các hoạt động trong cuộc sống.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt vấn đề, nêu nội dung và yêu cầu của hoạt động này để các nhóm HS thực hiện nội dung thảo luận:  *+ Em thường dùng Internet để làm những việc gì?*  *+ Internet có những lợi ích gì?*  - GV cho HS đọc thông tin, chốt kiến thức trọng tâm và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + *Hãy chọn những việc mà em có thể làm với Internet?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm nhận yêu cầu của GV, thảo luận, đưa ra kết quả.  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện các nhóm đứng dậy trình bày kết quả của nhóm.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3. Một số lợi ích của Internet**  - Truy cập Internet để tìm tài liệu học tập, học ngoại ngữ, học trực tuyến, xem tin tức, tìm kiếm thông tin, trao đổi thư, nhắn tin với bạn bè thầy cô, giải trí, mua bán, đăng bài trên mạng xã hội...  - Internet là nguồn cung cấp thông tin khổng lồ cùng nhiều dịch vụ thông tin như: hệ thống các trang web (www), tìm kiếm, thư điện tử...  - Internet cung cấp môi trường làm việc từ xa giúp đào tạo, hội thảo, học tập, kinh doanh, tư vấn, kết nối mọi người vượt qua khoảng cách và mọi sự khác biệt,...  ***Trả lời câu hỏi***:  Những việc mà Internet có thể làm: a, b, d, e. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 trong sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Đáp án C.

**Câu 2.** Muốn máy tính kết nối được internet, người sử dụng cần đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần vận dụng trang 22 sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Internet là một kho học liệu vô tận. Mọi người đều có thể tra cứu tài liệu để học tập và nghiên cứu, chia sẻ và tìm kiếm thông tin, dạy và học trực tuyến, đào tạo từ xa... Internet mang lại rất nhiều lợi ích của các bạn Hs trong việc học tập, trau dồi kiến thức và nâng cao trình độ....

**Câu 2.** Internet là mạng máy tính toàn cầu, nhờ đó mà thông tin được trao đổi và truyển tải đi khắp nơi, mang lại nhiều lợi ích cho con người và cho sự phát triển của xã hội. Ngày nay, Internet có vai trò quan trọng ở rất nhiều lĩnh vực và góp phần thúc đẩy mối quan hệ về văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội trên toàn cầu. Các công ty về máy tính và phần mềm không ngừng nâng cấp, sáng tạo và dành các khoản đầu tư lớn để cho ra mắt các sản phẩm mới, các phiên bản tốt hơn. Các nhà mạng cũng ngày càng nâng cao chất lượng các dịch vụ để Internet được sử dụng phổ biến và hiệu quả hơn. Chính vì vậy mà Internet được sử dụng rộng rãi và ngày càng phát triển.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Tham gia học tập tích cực.  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 21/11/2022

# CHỦ ĐỀ C. TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TỔ CHỨC THÔNG TIN

## Tiết 12+13BÀI 6: MẠNG THÔNG TIN TOÀN CẦU (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Trình bày được sơ lược về các khái niệm: World Wide Web (WWW), website, địa chỉ của website, trình duyệt.

- Biết cách sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nếu được các thông tin chính trên trang web đó.

- Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, thời sự...

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:***

- Phát triển tư duy loogic, năng lực phân tích, đánh giá, khái quát và giải quyết các vấn đề.

- Nội dung trong bài học được gắn với thực tế, giúp ích nhiều cho các em trong việc tích lũy kiến thức, kĩ năng ứng dụng công nghệ và vận dụng vào cuộc sống.

***b. Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, biết chia sẻ, tăng cường giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, nội dung hoạt động nhóm, nội dung thực hành, một số hình ảnh liên quan đến bài học, bảng nhóm, máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về WWW.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV nêu vấn đề:* Khi truy cập internet, em sẽ bước vào một thế giới thông tin vô cùng rộng lớn. Các trang thông tin trên Internet sẽ đưa em đi từ những câu chuyện hấp dẫn đến những bản nhạc du dương, từ những hình ảnh đẹp đến những kho tri thức quý giá. Các trang thông tin được nối với nhau tạo thành một mạng giống như mạng nhện khổng lồ bao trùm lên cả thế giới nên nó được gọi là mạng thông tin toàn cầu. Vậy để các em nắm rõ hơn về mạng thông tin toàn cầu. Chúng ta cùng đến với nội dung **bài 6: Mạng thông tin toàn cầu**.

*- HS lắng nghe, ghi tên bài học vào vở.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tổ chức thông tin trên Internet**

**a. Mục tiêu:**

- Biết được cách tổ chức thông tin trên một cuốn sách và trên Internet. Sự khác nhau giữa chúng

- Nêu được các dạng thông tin trên Internet

- Nhận biết dược sự khác nhau giữa văn bản và siêu văn bản.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm trả lời câu hỏi vào bảng nhóm:  *+ Thông tin trong một cuốn sách được tổ chức như thế nào?*  *+ Em đã xem thông tin trên Internet chưa?*  *+ Trên Internet có những dạng thông tin gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về tổ chức thông tin trên Internet  - GV giải thích kĩ các khái niệm: website, liên kết, www... và thực hiện rõ cho HS xem trên máy chiếu.  - Dựa trên kết quả của nhiệm vụ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới, GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 24sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + 2 HS đứng tại chỗ trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Internet**  **NV1:**  - Trong cuốn sách, thông tin được sắp xếp tuần tự. Chẳng hạn, cuốn sách Tin học 6 có các chủ đề, trong mỗi chủ đề có một số bài học, mỗi bài học có các phần, trong từng phần sẽ trình bày nội dung cụ thể.  - Trên Internet có thông tin ở các dạng: văn bản, hình ảnh, âm thanh, các phần mềm, các liên kết,...  **NV2**:  ***Trả lời câu hỏi***:  1. Đáp án B  2. Ví dụ một số website phục vụ học tập:  <https://tech12h.com>  <https://hanhtrangso.nxbgd.vn>  <https://www.google.com>  <https://www.youtube.com> |

**Hoạt động 2: Trình duyệt**

**a. Mục tiêu:** Biết cách sử dụng trình duyệt để vào trang web cho trước xem và nếu được các thông tin chính trên trang web đó.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt vấn đề giới thiệu trình duyệt: Để truy cập vào một website, ta cần dùng một phần mềm ứng dụng được gọi là trình duyệt. Duyệt web là hoạt động truy tìm theo các liên kết để tìm thông tin.  - GV nêu ví dụ, thông qua đó chỉ rõ trình duyệt đang dung, quá trình duyệt web.  - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi trang 25 sgk:  *+ Em hãy kể tên một số trình duyệt mà em biết?*  *+ Để truy cập một trang web ta cần làm thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nhận yêu cầu của GV, tổ chức thảo luận, đưa ra kết quả.  + GV quan sát, nhận xét và hỗ trợ HS khi cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Một số HS đứng dậy trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Trình duyệt**  - Trình duyệt là phần mềm giúp người dùng truy cập các trang web trên internet.  - Người sử dụng có thể theo các liên kết để khai thác thông tin từ các trang web.  ***Trả lời câu hỏi:***  - Tên một số trình duyệt: Firefox, Google Chrome, Microsoft edeg, Safari, Coc Coc, Opera...  - Để truy cập vào một trang web ta cần sử dụng một trình duyệt.  + Nháy đúp chuột vào biểu tượng trình duyệt.  + Nhập địa chỉ trang web vào ô địa chỉ của trình duyệt.  + Nhấn phím enter. |

**Hoạt động 3: Thực hành – Khai thác thông tin trên trang web**

**a. Mục tiêu:** Khai thác được thông tin trên một số trang web thông dụng như tra từ điển, xem thời tiết, thời sự...

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường).  - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được.  - GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau:  + Mở trình duyệt Google Chrome, nháy đúp lên biểu tượng  -> Nhập địa chỉ [www.vi.wikipedia.org](http://www.vi.wikipedia.org) vào thanh địa chỉ -> Nháy chuột vào Wikipedia, bách khoa toàn thư mở.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS thực hành, GV quan sát hướng dẫn cho HS.  **Bước 3: Báo cáo, đánh giá**  + Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá bài thực hành. | **3. Thực hành**  Sau thực hành HS biết được:  - Sử dụng trình duyệt để vào các trang web theo hướng dẫn.  - Duyệt web để xem thông tin trên các trang.  - Lưu địa chỉ trang web trên thanh Bookmark. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần luyện tập trang 27sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Đáp án C.

**Câu 2.** Nối 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 - b

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 27 sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Điểm khác nhau giữa cách tổ chức thông tin trong một cuốn sách và tổ chức thông tin trên Inernet:

- Trong sách: Thông tin được tổ chức tuần tự theo chủ để hoặc chương, bài, phần, nội dung từng phần. Khi người dùng cần tìm kiếm thông tin thì phải theo tuần tự, xem nội dung đó thuộc bài nào, chương mấy, ở trang nào trong sách. Đây là cách tổ chức tuyến tính.

- Trên WWW: Thông tin tổ chức dưới dạng siêu văn bản. Người sử dụng có thể dễ dàng truy cập để xem nội dung các trang web khi máy tính được kết nối với Internet. Các liên kết giúp người sử dụng dễ dàng di chuyển đến một trang web cụ thể có liên quan đến nội dung cần quan tâm, không theo tuần tự. Đây là cách tổ chức phi tuyến tính.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế | - Hấp dẫn, sinh động  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI 7: TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Nêu được công dụng của máy tìm kiếm

- Xác định được từ khóa ứng với một mục đích tìm kiếm cho trước

- Thực hiện được việc tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:***

- Phát triển năng lực tư duy, kĩ năng tìm kiếm nhanh và chính xác, sàng lọc và lựa chọn thông tin về một vấn đề. Hình thành năng lực tổ chức, lãnh đạo, hợp tác.

- Nội dung trong bài học giúp ích nhiều cho các em trong thực tế, tích hợp các môn học, tích lũy và mở rộng kiến thức, vận dụng cho việc học tập và giải trí.

***b. Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, tính chính xác và cẩn trọng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, một số nội dung cần tìm kiếm trên Internet, nội dung hoạt động nhóm, bảng nhóm, máy tính, máy chiếu, phiếu đánh giá.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về máy tính tìm kiếm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** HS tiếp nhận thông tin

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV nêu vấn đề:* Mặc dù www là kho thông tin khổng lồ nhưng việc tìm kiếm trên đó có thể được thực hiện rất nhanh chóng và thuận tiện. Chẳng hạn, em chỉ cần nhớ vài câu trong một bài hát, em sẽ tìm thấy cả bài hát đó trên Internet với những video trình diễn của nhiều ca sĩ khác nhau. Bài học này sẽ giới thiệu với các em máy tìm kiếm trên Internet và cách sử dụng nó. **Bài 7: Tìm kiếm thông tin trên Internet**.

*- HS lắng nghe, ghi tên bài học vào vở.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm kiếm thông tin trên internet**

**a. Mục tiêu:**

- HS hiểu được thế nào là máy tìm kiếm, từ khóa

- Tác dụng của máy tìm kiếm

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (4 – 6) bạn, yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động 1 trang 28 sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  + GV lưu ý: Các thông tin trên internet rất đa dạng, có thể đúng và cũng có thể thiếu chính xác hoặc chưa đầy đủ. Do đó, các em HS nên tìm kiếm thông tin từ nhiều nguồn để so sánh, chọn lọc, tổng hợp để có được kết quả như mong muốn.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về máy tìm kiếm.  - GV cung cấp: Không phải mọi thông tin trên Internet đều miễn phí. Chẳng hạn nhiều bức ảnh và bài hát có đăng kí bản quyền. Người sử dụng phải trả phí khi khai thác tài nguyên này.  - Dựa trên kết quả của nhiệm vụ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới, GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 29sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Internet**  **NV1:**  - Hầu hết HS đã từng tìm kiếm thông tin trên internet và tìm được thông tin mong muốn.  - Máy tìm kiếm là một trang web đặc biệt hỗ trợ người sử dụng tìm kiếm thông tin nhanh, thuận tiện.  - Những thuận lợi và khó khăn:  + Thuận lợi: Nhanh, nhiều thông tin.  + Khó khăn: phải chọn từ khóa phù hợp, phải sàng lọc, tổng hợp, kiểm tra độ tin cậy và đầy đủ của thông tin.  **NV2**:  ***Trả lời câu hỏi***:  **1**. Điền từ:  a. .... tìm kiếm thông tin....  b. .......liên kết  c. ..... từ khóa.....  **2**. Đáp án đúng: A |

**Hoạt động 2: Thực hành – Tìm kiếm và khai thác thông tin trên Internet.**

**a. Mục tiêu:** HS sử dụng một số máy tìm kiếm, thực hiện theo hướng dẫn, chọn từ khóa để tìm kiếm thông tin. Qua việc thực hiện tìm kiếm lần lượt với các từ khóa, HS rút ra được cách lựa chọn từ khóa phù hợp.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường).  - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được.  - GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau:  *=> Gõ địa chỉ google.com vào thanh địa chỉ, nhấn phím enter => Nhập từ khóa, nhấn phím Enter.*  - GV lưu ý: HS nên chọn từ khóa sát với vấn đề cần tìm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS thực hành, thực hiện theo sự hướng dẫn của GV và nội dung trong sgk.  + GV quan sát, hướng dẫn cho HS.  **Bước 3: Báo cáo, đánh giá**  + Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá hoạt động thực hành. | **3. Thực hành**  Sau thực hành HS biết được:  - Sử dụng máy tìm kiếm để tìm thông tin.  - Lựa chọn từ khóa phù hợp để tìm kiếm nhanh.  - Cần phân tích, so sánh, chọn lọc thông tin.  - Sao chép và lưu thông tin cần thiết đã tìm được. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 + 2 phần luyện tập trang 31sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Đáp án D

**Câu 2.** Đáp án C

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài tập 1+ 2 phần vận dụng trang 31 sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả thực hiện.*

*- GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI 8: THƯ ĐIỆN TỬ (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Biết được thư điện tử là gì

- Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.

- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử.

- Thực hiện được một số thao tác cơ bản: đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:***

- Phát triển năng lực tư duy, tổ chức, hợp tác

- Nội dung trong bài học có tính ứng dụng cao trong thực tế, rất hữu ích. Qua đó, các em thấy được sự kết nối giữa kiến thức học được và cuộc sống.

***b. Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Các hoạt động luôn hướng đến việc khuyến khích các em có ý thức trách nhiệm, tuân thủ các quy định, cởi mở và tăng thêm mối liên hệ với bạn bè, người thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, một số bức thư gửi bưu điện, thư điện tử, vài hình ảnh về các phương thức liên lạc khác, nội dung hoạt động nhóm, bảng nhóm, máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, SBT, bút màu, tìm hiểu trước một số kiến thức về thư điện tử cùng các phương thức liên lạc khác.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày, HS lắng nghe, trả lời

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS quan sát ba hình sau và trả lời: Mỗi bức ảnh cho em biết điều gì?*



*- HS quan sát, thảo luận, có ý kiến về các phương thức liên lạc ở các hình ảnh.*

+ Hình 1: Bồ câu đưa thư

+ Hình 2: Gửi thư qua bưu điện

+ Hình 3: Gửi thư điện tử

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt HS vào bài học mới: **Bài 8: Thư điện tử.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Thư điện tử. Tài khoản thư điện tử**

**a. Mục tiêu:**

- Biết được thư điện tử là gì

- Biết tài khoản thư điện tử, hộp thư điện tử, thành phần của địa chỉ thư điện tử.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động 1 trang 32 sgk:  *+ Để soạn và gửi một bức thư qua đường bưu điện thì cần những gì và thực hiện như thế nào?*  *+ Em biết gì về thư điện tử? Tài khoản thư điện tử?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về thư điện tử, tài khoản thư điện tử cùng các lưu ý.  - GV giới thiệu một số nhà cung cấp dịch vụ thư diện tử miễn phí: google, iCoud Mail, Yahoo,....  - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 33sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Internet**  **NV1:**  - Thư gửi qua đường bưu điện:  + Vật liệu: bút, mực, giấy, phong bì, tem thư.  + Bên ngoài phong bì có dán tem thư, viết tên và địa chỉ người gửi, tên và địa chỉ người nhận.  + Phương thức gửi: Mang thư đã dán tem và ghi địa chỉ người nhận đến bưu điện, hệ thống trong bưu điện sẽ đóng gói gửi đến địa chỉ người nhận, mọi công đoạn đều do con người trực tiếp xử lí.  - Thư điện tử là thư được gửi và nhận qua máy tính, điện thoại thông minh.  - Tài khoản thư điện tử có hộp thư điện tử gắn với địa chỉ thư điện tử. Người mở tài khoản có mật khẩu để bảo vệ.  **NV2**:  1. Dịch vụ thư điện tử là dịch vụ cung cấp các chức năng để soạn thảo, gửi, nhận, chuyển, lưu trữ và quản lí thư điện tử cho người sử dụng.  2. Địa chỉ B sai vì thiếu dấu @, thừa dấu “.” Nằm trước chữ gmail của tên. |

**Hoạt động 2: Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử**

**a. Mục tiêu:** Nêu được những ưu, nhược điểm cơ bản của dịch vụ thư điện tử so với các phương thức liên lạc khác.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, HS tiếp nhận kiến thức, vận dụng sgk thảo luận, trả lời.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thực hiện hoạt động 2 trang 33 sgk: *Theo em dịch vụ thư điện tử có những ưu điểm và nhược điểm gì so với các phương thức liên lạc khác?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận, trả lời câu hỏi  + GV quan sát, hướng dẫn cho HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới để hiểu rõ hơn ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử.  - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 34sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **2. Ưu điểm và nhược điểm của dịch vụ thư điện tử**  ***\*Ưu điểm:*** Có tính pháp lí, nhanh, tiện, rẻ, bảo mật, thư gửi khắp nơi, bao gồm các dạng thông tin, bảo vệ môi trường...  ***\*Nhược điểm***: Cần có phương tiện điện tử kết nối mạng, bị làm phiền vì thư rác hay quảng cáo, có thể gặp một số nguy cơ như tin tặc xâm nhập, virus máy tính,...  **NV2:**  - Ưu điểm: Dịch vụ thư truyền thống có thể chuyển thư bằng các phương tiện khác nhau: máy bay, tàu, xe, người,... tới mọi nơi không cần các thiết bị điện tử, kết nối mạng. Thư truyền thống được viết trên giấy (hoặc vải....) trong mọi điểu kiện. Người ta có thể gửi đi các vật liệu hàm chứa thêm nội dung hay ý nghĩa khác, điểu này có thể rất quan trọng đối với nhiều người.  - Nhược điểm: chỉ phi cao, thời gian chuyển thư dài, số lượng thư gửi và nhận bị hạn chế, có thể bị chuyển nhầm hoặc thất lạc. Có trường hợp gặp thư phá hoại như là thư có tấm chất độc, bom thư,...  - Dịch vụ thư điện tử ra đời đã giúp cho dịch vụ thư truyền thống giảm bớt những khó khăn, khác phục được nhiều hạn chế, số lượng thư gửi qua đường bưu điện đã giảm đi rất nhiều, các chỉ phí cho việc vận chuyển này cũng giảm đáng kể. |

**Hoạt động 3: Thực hành – Đăng kí tài khoản, đăng nhập, đăng xuất và gửi thư điện tử.**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được một số thao tác cơ bản: đăng kí tài khoản thư điện tử, đăng nhập, soạn, gửi, đăng xuất thư điện tử.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, HS tiến hành thực hành

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV bố trí HS thực hành trên mỗi máy (tùy vào điều kiện phòng máy của trường).  - GV phổ biến nhiệm vụ thực hành, yêu cầu cần đạt để cả lớp nắm được.  - GV thực hiện trên máy tính và hướng dẫn HS từng bước sau:  *+ Mở một tài khoản thư điện tử*  *+ Đăng nhập hộp thư mới mở*  *+ Soạn thư mới*  *+ Gửi thư cho bạn (có thể gửi cho nhiều bạn cùng lúc).*  *+ Nhận và xem thư*  *+ Tìm và gửi cho bạn bưu thiếp chúc mừng sinh nhật bạn (hoặc nhân dịp gì đó).*  *+ Đăng xuất hộp thư*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS thực hành, thực hiện theo sự hướng dẫn của GV và nội dung trong sgk.  + GV quan sát, hướng dẫn cho HS.  **Bước 3: Báo cáo, đánh giá**  + Kết thúc bài thực hành, GV chấm điểm những bài làm tốt, cùng HS nhận xét, đánh giá hoạt động thực hành. | **3. Thực hành**  Sau khi thực hành, HS biết:  - Tạo một tài khoản thư điện tử.  - Đăng nhập hộp thư  - Soạn thư mới và gửi thư cho bạn  - Nhận và xem thư  - Nâng cao: tìm và gửi ảnh, bưu thiếp.  - Đăng xuất. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 và 3 phần luyện tập trang 36sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Đáp án C

**Câu 2.** Một người có thể mở được nhiều tài khoản thư điện tử với các tên khác nhau. Mỗi hộp thư sẽ có một địa chỉ riêng, không bao giờ trùng với địa chỉ thư điện tử khác.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

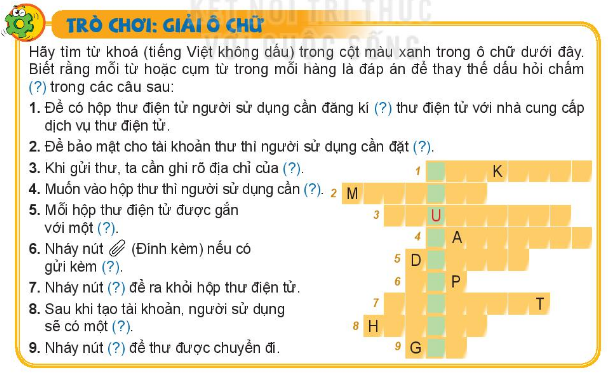
**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi giải ô chữ trang 36 sgk cho HS tham gia.*

**

*- HS lắng nghe câu hỏi, nhanh chóng giơ tay trả lời ô chữ hàng ngàng*

1.TAIKHOAN 2. MATKHAU 3. NGUOINHAN 4. DANGNHAP

5. DIACHI 6. TEP 7. DANGXUAT 8. HOPTHU 9.GUI

Từ khóa màu xanh: **THUDIENTU**

*- GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

# CHỦ ĐỀ D. ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG

## BÀI 9: AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN INTERNET (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Biết được một số tác hại và nguy cơ bị hại khi sử dụng Internet. Nêu và thực hiện được một số biện pháp phòng ngừa cơ bản với sự hướng dẫn của GV.

- Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể, nêu được ví dụ minh họa.

- Bảo vệ được thông tin và tài khoản cá nhân với sự hỗ trợ của người lớn.

- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.

- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:***

- Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy lôgic, khả năng phán đoán, phân tích và giải quyết vấn để. Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày bài giúp các em phát triển năng lực hợp tác, giao tiếp và thuyết trình.

- Nội dung trong bài học gắn kết kiến thức trong sách vở với thực tế, được tích hợp kiến thức của nhiều môn học nhằm kết nối trị thức với cuộc sống.

***b. Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Các hoạt động khuyến khích các em cởi mở, thận trọng, có ý thức trách nhiệm với bản thân và tập thể. Bài học cũng giúp hướng dẫn và nâng cao kĩ năng sống cũng như sự tự tin cho các em.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, nội dung hoạt động nhóm, bảng nhóm, máy tính, máy chiếu. Một số thông tìn về các sự việc đã xảy ra trong thực tế liên quan đến bài học (qua báo, đài, ti vi).

**2. Đối với học sinh:** đồ dùng học tập, tìm hiểu trước một số kiến thức liên quan đến bài học: các nguy cơ có thể gặp trên Internet và cách phòng tránh, cách bảo vệ thông tin cá nhân và tập thể, cách chia sẻ thông tin an toàn và hợp pháp, cách nhận biết một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS đóng đoạn hội thoại phần khởi đầu.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình diễn phần đóng vai

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu hai HS đóng vai hai bạn An và Minh thể hiện đoạn hội thoại của phần khởi động trước lớp.

*Một buổi sáng, Minh đến lớp với vẻ mặt buồn thiu tìm An để nói chuyện*

***Minh****: Bạn biết không, tối qua tớ làm hỏng máy tính rồi. Tớ lo là các tệp ảnh chụp hôm đi dã ngoại trong máy bị mất.*

***An:*** *Bạn đã làm gì để xảy ra sự cố này?*

***Minh:*** *Tớ tải một phần mềm trò chơi trên mạng và cài đặt, máy tính khởi động lại rồi bị treo luôn*

***An:*** *Máy tính của bạn có cài phần mềm chống virus không?*

***Minh:*** *Có! Nhưng vì háo hức muốn chơi nên tớ đã bỏ qua cảnh báo khi cài đặt.*

***An:*** *Vấn đề là ở chỗ ấy đấy! Máy tính nhà bạn có thể đã nhiệm virus hoặc mã độc rồi. Bạn nên nói với bố mẹ nhờ chuyên gia máy tính kiểm tra xem sao.*

- GV nhận xét, đánh giá màn đóng vai của hai bạn, tuyên dương 2 bạn đã có tinh thần xung phong. GV đặt vấn đề vào bài học mới, **bài 9: An toàn thông tin trên Internet.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tác hại và nguy cơ khi dùng Internet**

**a. Mục tiêu:**

- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên internet

- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho 1 bạn HS đọc to, rõ ràng yêu cầu của HĐ1. Sau đó, GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận nội dung:  *+ Bạn Minh đã gặp phải rắc rối gì?*  *+ Tác hại và nguy cơ khi dùng Internet?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện mỗi nhóm 1 bạn đứng dậy báo cáo kết quả thảo luận được  + GV gọi HS nhóm khách đánh giá nhóm bạn trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét và chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về tác hại và nguy cơ khi dùng internet  - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 38sgk.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS ghi ý chính vào vở và tiếp tục suy nghĩ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát HS hoạt động, nhắc nhở và hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét, bổ sung ý (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Internet**  **NV1:**  - Bạn Minh có nguy cơ bị mất dữ liệu do mánh tính bị nhiễm virus.  - Tác hại và nguy cơ khi dùng internet:  + Người sử dụng internet có thể bị đánh cắp và phát tán thông tin cá nhân, từ đó bị đe dọa, bị bắt nạt, trẻ em bị xâm hại tình dục (hình ảnh, video,...); bị lừa đảo, dụ dỗ, có thể bị nhận tin giả, hoặc bị lôi kéo làm việc bất hợp pháp...  + Máy tính có thể bị nhiễm virus hay mã độc.  + Trẻ em dành quá nhiều thời gian trên mạng để lướt web, chơi game dẫn đến nghẽn mạng xã hội, sống ảo, nghiện game.  **NV2**:  1. Khi dùng Internet có thể:  Phương án sai là: C. Tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng.  2. Việc làm được khuyến khích khi sử dụng các dịch vụ trên mạng Internet là:  D. Vào trang tìm kiếm để tìm tư liệu làm bài tập về nhà. |

**Hoạt động 2: Một số quy tắc an toàn khi sử dụng Internet**

**a. Mục tiêu:**

- HS nêu lên được những việc cần làm để tránh gặp phải những rắc rói, những nguy cơ.

- HS nêu được các nguy cơ gây hại mà người sử dụng có thể gặp trên internet.

- HS nhận thức được mức độ gây hại của các nguy cơ đó.

**b. Nội dung:** GV nêu yêu cầu, HS tham khảo nội dung sgk, vận dụng kiến thức thảo luận và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho 1 bạn HS đọc to, rõ ràng yêu cầu của HĐ2. Sau đó, GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận cặp đôi nội dung:  *+ Em đã từng sử dụng Internet chưa? Em đã bao giờ gặp phải một trong những nguy cơ như trên chưa? Nếu gặp phải em sẽ làm gì?*  *+ Em cần phải làm gì để phòng tránh những nguy cơ và tác hại có thể gặp phải khi sử dụng internet?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS bắt cặp với bạn ngồi cạnh bên, thảo luận và tìm ra câu trả lời.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện một số cặp đôi đứng dậy nêu lên câu trả lời của cặp sau khi thảo luận.  + GV gọi HS một số bạn khác đánh giá câu trả lời bạn vừa trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét và chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về một số quy tắc an toàn khi sử dụng internet  - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức    - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hiện trả lời câu hỏi củng cố kiến thức trang 39sgk.  *+ Em có thể đưa ra một số giải pháp để giữ bí mật thông tin cá nhân không?*  *+ Trong 5 quy tắc trên, em thấy quy tắc nào quan trọng nhất? Tại sao?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS ghi ý chính vào vở và tiếp tục suy nghĩ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát HS hoạt động, nhắc nhở và hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét, bổ sung ý (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Inter**  **net**  **NV1:**  - Người sử dụng cần giữ an toàn thông tin cá nhân, tránh gặp gỡ những người quen trên mạng, không tham gia các hội nhóm mà mình không biết hoặc không lành mạnh.  - Máy tính cần được cài đặt phần mềm chống virus, không nhận thư tay tin nhắn từ người lạ, kiểm tra độ tin cậy của thông tin, không dành quá nhiều thời gian trên mạng, chơi game  - Chia sẻ với người tin cậy về suy nghĩ, tình cảm, những khó khăn hoặc tình huống không tốt bị mắc phải.  - Dành thời gian tập trung cho học tập, giúp đỡ bố mẹ, đọc sách, các hoạt động thể chất, hoạt động xã hội, tham gia các hoạt động lành mạnh.  **NV2**:  1. Giải pháp để giữ bí mật thông tin cá nhân:  + Đặt mật khẩu cho máy tính  + Không chia sẻ thông tin cá nhân và thông tin của người thân, bạn bè trên mạng hay cho người khác (trừ trường hợp cần thiết),...  2. HS trả lời theo ý kiến của riêng mỗi người. |

**Hoạt động 3: An toàn thông tin**

**a. Mục tiêu:**

- Nêu được một vài cách thông dụng để chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp.

- Nhận diện được một số thông điệp lừa đảo hoặc mang nội dung xấu.

**b. Nội dung:** GV nêu yêu cầu, HS tham khảo nội dung sgk, vận dụng kiến thức thảo luận và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho 1 bạn HS đọc to, rõ ràng yêu cầu của HĐ3. Sau đó, GV yêu cầu HS thực hiện thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập của hoạt động 3.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS lập nhóm, thảo luận và tìm ra câu trả lời.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện nhóm đứng dậy nêu lên câu trả lời của cặp sau khi thảo luận.  + GV gọi HS một số bạn khác đánh giá câu trả lời nhóm vừa trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét và chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần nội dung kiến thức mới về an toàn thông tin  - GV chốt kiến thức cơ bản trong hộp kiến thức  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hiện hoạt động 4:  *+ Một bạn quen trên mạng xin số điện thoại và địa chỉ của em để gặp nhau nói chuyện? Em có nên cho không? Tại sao?*  *+ Em được một bạn gửi qua mạng cho một số thông tin không tốt về một số bạn khách cùng lớp. Em có nên đăng lên mạng để mọi người cùng biết không?*  - GV cho HS đọc kiến thức mới, chốt nội dung trong hộp kiến thức.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS ghi ý chính vào vở và tiếp tục suy nghĩ, trả lời câu hỏi  + GV quan sát HS hoạt động, nhắc nhở và hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác đứng dậy nhận xét, bổ sung ý (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Inter**  **net**  **NV1: Phiếu BT HĐ3**  1. Một số người nhận thư có thể tỏ thái độ khó chịu với Minh, nghĩ là Minh không tốt; có bạn phê phán Minh; có bạn hỏi lại Minh thực hư sự việc;...  2. Bạn không nên mở liên kết hoặc thư điện tử đó. Trao đổi với bố mẹ hoặc thầy cô sự việc đó và xin lời khuyên.  3. Để bảo vệ tài khoản thư điện tử, ta cần: Đặt mật khẩu mạnh để không bị người khác đoán biết, bảo vệ mật khẩu, đăng xuất khi dùng xong, cài đặt phần mềm diệt virus,...  **NV2**: **HĐ4**  1. Em không cho người quen trên mạng số điện thoại và địa chỉ của em. Không hẹn gặp người nói chuyện với người đó vì có thể gặp điều không hay.  2. Em sẽ không đăng tin không tốt về bạn cùng lớp trên mạng. Em sẽ tìm hiểu để biết thông tin đó đúng hay sai và có thể làm gì để giúp đỡ bạn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần luyện tập trang 41sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Đáp án A, B, D, E

**Câu 2:** Đáp án A, B, C, D, E

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Đáp án của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 41sgk:* Em hãy đưa ra một số cách nhận diện những trò lừa đảo trên Internet?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

Những trò lừa đảo trên mạng thường là những lời quảng cái đánh vào lòng tham vật chất, những lời dụ dỗ, rủ rê làm những việc liên quan đến các vấn đề nhạy cảm, những tin nhắn tự giới thiệu là người quen của cha mẹ để bảo em làm điều gì đó mà không cho bố mẹ biết, tin nhắn của người lạ hay đại diện cho một tổ chức nào đó liên quan đến tiền bạc, những lời giới thiệu gây sự tò mò, hiếu kì,...

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học | - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |
| --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP HOẠT ĐỘNG 3**  **\* \* \***  **Câu 1:** Sau giờ thực hành ở phòng máy, bạn Minh quên đăng xuất tài khoản thư điện tử của mình và một ai đó đã dùng tài khoản thư điện tử của Minh để gửi nội dung không hay cho những người khác. Theo em, điều gì có thể xảy ra với Minh?  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  **Câu 2.** Nếu thấy đường liên kết hoặc thư điện tử có chủ để gây tò mò được gửi từ một người không quen biết thì em sẽ làm gì?  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  **Câu 3.** Em hãy nêu một vài cách để bảo vệ tài khoản thư điện tử.  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. |

Ngày soạn: 14/2/2023

# CHỦ ĐỀ E: ỨNG DỤNG TIN HỌC

## Tiết 21+22 BÀI 10. SƠ ĐỒ TƯ DUY (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết sắp xếp một cách logic và trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm.

- Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin.

- Tạo sơ đồ tư duy đơn giản bằng phần mềm.

**2. Năng lực**

***\* Năng lực tin học:***

- Phát triển năng lực sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông (Nla)

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học (Nld), năng lực hợp tác trong môi trường số (Nle).

***\* Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- HS có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm

- Thông qua việc hiểu, giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy và nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm, HS được rèn luyện tư duy phê phán.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Máy tính cài đặt phần mềm sơ đồ tư duy. Một số hình ảnh tư liệu về sổ lưu niệm.

**2. Đối với học sinh:** Giấy trắng A4 để vẽ sơ đồ tư duy.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Hoạt động này đặt vấn đề cho sản phẩm số mà HS sẽ tạo ra sau khi học xong chủ đề ứng dụng tin học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc cuộc hội thoại giữa Minh, An và Khoa. Sau đó, tìm hiểu và trả lời câu hỏi của hoạt động 1:  ***1.*** *Hãy tưởng tượng khi 50 tuổi, em tìm thấy cuốn sổ lưu niệm đã của của lớp mình. Hãy viết ra ba điều mà cuốn sổ lưu niệm làm em thích thú, một điều làm em hạnh phúc và một điều gợi lại cho em kỉ niệm buồn.*  ***2.*** *Theo em sổ lưu niệm sẽ gồm những thông tin gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi của HĐ1  + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS đứng dậy trình bày câu trả lời của mình  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới. | 1. Câu trả lời tùy thuộc HS.  2. Một số gợi ý về nội dung của cuốn sổ lưu niệm:  + Danh sách lớp và GV  + Thông tin về một số hoạt động thể thao và văn hóa của lớp.  + Những cảm nhận về thầy cô và bạn bè.  + Những thành tích của lớp trong các cuộc thi.  + Một số chủ đề mà mọi HS trong lớp quan tâm. |

**Hoạt động 1: Sơ đồ tư duy**

**a. Mục tiêu:** Hoạt động này đặt vấn đề cho sản phẩm số mà HS sẽ tạo ra sau khi học xong chủ đề ứng dụng tin học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc phần kiến thức mới để tự tìm hiểu thông tin về sơ đồ tư duy.  - Sau khi HS tìm hiểu xong, GV cho HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm thông qua phiếu BT HĐ2.  - GV chốt nội dung chính trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr43sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi trong phiếu bài tập được giao.  + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm đứng dậy trình bày câu trả lời của mình  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới. | **1. Sơ đồ tư duy**  ***PBT***  1. Cách biểu diễn bằng sơ đồ tư duy dễ hiểu, dễ nhớ hơn.  2. Sử dụng sơ đồ tư duy giúp dễ dàng ghi nhớ và tiết kiệm thời gian.  3. Tên của chủ đề chính là: Sơ đồ tư duy, có bốn chủ đề nhánh là: “lợi ích”, “làm gì?” “thành phần” và “người sáng tạo”.  4. Các ý chi tiết của chủ đề “thành phần” là: từ khóa, hình ảnh, đường nối.  ***Trả lời câu hỏi tr43:***  **Câu 1**. Đáp án A, C, D  **Câu 2.** Đáp án A, B, C |

**Hoạt động 2: Cách tạo sơ đồ tư duy**

**a. Mục tiêu:** HS vẽ được sơ đồ tư duy trên giấy trình bày nội dung của cuốn sổ lưu niệm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc phần kiến thức mới để tự tìm hiểu thông tin về cách tạo sơ đồ tư duy.  - Sau khi HS tìm hiểu xong, GV cho HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức nhóm thông qua việc thực hiện HĐ3.  - GV cho các nhóm trình bày sản phẩm sơ đồ tư duy.  - GV tiếp tục giao nhiệm vụ cho HS trả lời câu hỏi tr45sgk : *Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, thực hành thảo luận nội dung và vẽ sơ đồ tư duy sổ lưu niệm.  + GV quan sát, hướng dẫn HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm đứng dậy trình bày sản phẩm  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới. | **2. Cách tạo sơ đồ tư duy**  ***HĐ3***  -Các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  - Hạn chế vẽ sơ đồ tư duy trên giấy:  + Khó khăn trong việc thêm, bớt hoặc thay đổi thông tin.  + Khó có thể chia sẻ với nhiều người, đặc biệt là người ở xa  + Mất nhiều thời gian  ***Trả lời câu hỏi:***  Ưu điểm của việc tạo sơ đồ tư duy thủ công trên giấy là: *D. Có thể thực hiện ở bất cứ đâu, chỉ cần giấy và bút. Thể hiện được phong cách riêng của người tạo.* |

**Hoạt động 3: Thực hành – Tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính**

**a. Mục tiêu:** HS vẽ được sơ đồ tư duy trên giấy trình bày nội dung của cuốn sổ lưu niệm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giới thiệu phần mềm sơ đồ tư duy MindMaple Lite.  - GV sử dụng phần mềm, thực hiện minh họa cho HS quan sát.  ***B1: Khởi động phần mềm***    ***B2: Tạo sơ đồ tư duy***    ***B3: Tạo các chủ đề nhánh***  + Nháy chuột vào ô **”sổ lưu niệm lớp 6A”** để chọn chủ đề chính.  + Chọn ***Insert/Subtopic***  Một chủ đề nhánh được tạo ra và nối với chủ đề chính vừa chọn    Nháy chuột vào chủ đề nhánh vừa tạo để nhập tên    Thực hiện tương tự để tạo các chủ đề nhánh khác.  ***B4: Ghi lại kết quả*** bằng cách chọn: File/Save và đánh tên tệp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS quan sát kĩ từng bước khi GV hướng dẫn  + HS thực hiện tương tự các thao tác như GV để hoàn thiện sơ đồ tư duy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm đứng dậy trình bày sản phẩm  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuyển sang nội dung hình thành kiến thức mới. | **3. Thực hành tạo sơ đồ tư duy bằng phần mềm máy tính**  - Sản phẩm trình bày của HS |

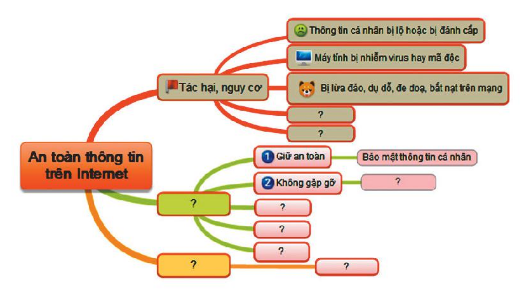
**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS bổ sung các nhánh nội dung cho sơ đồ tư duy (nếu cần), chỉnh sửa lại màu sắc, các kiểu đường nối, hình ảnh, biểu tượng...cho sơ đồ thêm sinh động, đẹp mắt. Sau đó cùng GV và các nhóm khác thống nhất dàn ý cuốn sổ lưu niệm.*

*- GV cho HS vẽ sơ đồ tư duy bằng phần mềm trình bày tóm tắt nội dung của bài 9. An toàn thông tin trên Internet*

**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ và thực hiện, GV quan sát, hướng dẫn cho HS khi cần.*

*- HS trình bày sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

|  |
| --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP HOẠT ĐỘNG 2**  **\* \* \***  Em hãy quan sát sơ đồ tư duy ở hình 5.2 và trả lời câu hỏi sau:    **Câu 1:** Cách biểu diễn nào (văn bản, sơ đồ tư duy) dễ hiểu, dễ nhớ và thú vị hơn?  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  **Câu 2.** Sử dụng sơ đồ tư duy có lợi ích gì?  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  **Câu 3.** Tên của chủ đề chính là gì? Tên của các chủ đề nhánh (triển khai từ chủ đề chính) là gì?  ..............................................................................................................................  ..............................................................................................................................  **Câu 4.** Các ý chi tiết của chủ đề ”Thành phần” là gì?  .............................................................................................................................. |

Ngày soạn: 21/02/2023

## Tiết 22-23 BÀI 11: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần dạt:**

- Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản

- Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản

- Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:*** Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học và tự học.

***b. Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiêm trì và cẩn thận trong học và tự học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Phòng thực hành máy tính đã cài đặt phần mềm soạn thảo văn bản.

**2. Đối với học sinh:** Chuẩn bị tư liệu văn bản, hình ảnh cho nội dung sổ lưu niệm theo dàn ý đã lập ở bài sơ đồ tư duy.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS đóng vai nhân vật

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho bạn bạn đứng dậy đóng vai ba bạn An, Minh, Khoa hoàn thành đoạn hội thoại mở đầu trong sgk.*

*- GV đặt vấn đề:* Phải chăng, nội dung trao đổi của ba bạn An, Minh, Khoa cũng là vấn đề các em đang quan tâm, thắc mắc đúng không? Để đi tìm câu trả lời cho nó, chúng ta sẽ cùng đến với **bài 11: Định dạng văn bản**.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Phần mềm soạn thảo văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện hoạt động 1 trang 48 sgk:  *+ Dựa vào sơ đồ tư duy trình bày nội dung cuốn sổ lưu niện ở bài 10, em hãy lựa chọn các phần mềm cần sử dụng để tạo nội dung cho cuốn sổ trên máy tính.*  *+ Các phần mềm đó cần có chức năng gì để giúp em hoàn thành công việc?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm HS phân công nhóm trưởng, người báo cáo. Nhóm thảo luận, viết câu trả lời vào bảng nhóm.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Nhóm trưởng trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chọn ra nhóm làm tốt, nhóm cần góp ý  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc nội dung giới thiệu phần mềm soạn thảo văn bản để biết chức năng cơ bản của phần mềm.  - GV đặt câu hỏi, yêu cầu mỗi HS tự suy nghĩ và trả lời: *Vậy trong các chức năng (soạn thảo văn bản, chèn hình ảnh và chỉnh sửa ảnh, bảng biểu, tạo chữ nghệ thuật...) của phần mềm soạn thảo văn bản, em sẽ sử dụng chức năng nào để tạo nội dung cho cuốn lưu niệm?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS xung phong đứng tại chỗ trình bày kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, đưa ra các câu trả lời chính xác và khái quát. | **1. Tổ chức thông tin trên Internet**  **NV1:**  1. Các phần mềm cần sử dụng để tạo sổ lưu niệm:  + Phần mềm soạn thảo văn bản  + Có thể bổ sung một số phần mềm khách theo nhu cầu công việc như phần mềm chỉnh sửa ảnh, phần mềm tạo chữ nghệ thuật,...  2. Một số chức năng phần mềm cần có để hoàn thành sổ lưu niệm:  + Soạn thảo văn bản  + Chèn hình ảnh và chỉnh sửa hình ảnh  + Bảng biểu  + Tạo chữ nghệ thuật.  **NV2**:  - Chức năng của phần mềm soạn thảo văn bản để tạo nội dung cuốn sổ lưu niệm là:  + Tạo chữ nghệ thuật  + Soạn thảo văn bản  + Chèn ảnh... |

**Hoạt động 2: Định dạng văn bản in**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tìm hiểu kiến thức định dạng văn bản, định dạng trang văn bản và in văn bản.  - GV hướng dẫn từng bước và chốt kiến thức chính trong phần định dạng văn bản  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc kiến thức, quan sát GV thực hiện, nắm các ý chính.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi 1 số HS nêu lại các ý vừa được hướng dẫn để nắm vững kiến thức.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức, HS ghi vào vở. | **2. Định dạng văn bản in**  ***a. Định dạng văn bản đoạn***    ***b. Định dạng trang văn bản***    ***c. In văn bản*** |

**Hoạt động 3: Thực hành – Định dạng văn bản**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, quan sát GV hướng dẫn, học sinh thực hiện theo mẫu.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả HS thực hành

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức hoạt động thực hành cho HS theo từng bước hướng dẫn trong sgk.  *a. Khởi động phần mềm và nhập nội dung*  *b. Căn lề đoạn văn bản*  *c. Chọn hướng trang lề*  *+ Chọn hướng trang (Orientation)*  *+ Chọn lề trang (Margins)*  *d. Lưu tệp*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc kiến thức, quan sát GV làm minh họa và thực hành.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV kiểm tra quá trình thực hành của một số HS.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV cùng HS nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **3. Thực hành định dạng văn bản**  - Sản phẩm thực hành của HS. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1, 2 phần luyện tập trang 52sgk:*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:*

**Câu 1.** Chọn hướng trang phù hợp cho các văn bản:

a. Đơn xin nghỉ học: hướng trang đứng

b. Báo cáo tổng kết năm học của lớp: hướng trang đứng hoặc trang ngang

c. Sổ lưu niệm của lớp: hướng trang đứng

d. Sách ảnh chứa ảnh phong cảnh: hướng trang ngang.

**Câu 2.** Lục bát là thể thơ phổ biến trong kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam. Các cặp thể thơ lục bát gồm một câu 6 tiếng xen kẽ để phối vần với nhau. Để có sự cân đối trong bố cục của thể thơ lục bát, chúng ta nên lựa chọn căn lề giữa cho đoạn văn bản.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và về nhà thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *về nhà, sử dụng sơ đồ tư duy để trình bày kết quả thảo luận về nội dung cuốn sổ lưu niệm của lớp. Các em hãy thực hiện các công việc sau:*

*a. Soạn thảo thêm nội dung cho cuốn sổ lưu niệm*

*b. Chèn thêm hình ảnh minh họa*

*c. Căn lề và định dạng trang để có được bố cục hợp lí và đẹp*

*d. Lưu lại tệp để dùng cho việc tạo cuốn sổ lưu niệm của lớp.*

- HS lắng nghe nhiệm vụ, hỏi đáp những vấn đề còn chưa rõ, về nhà hoàn thành báo cáo kết quả vào tiết học sau.

- GV nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học, chuẩn kiến thức cuối cùng.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

## BÀI 12: TRÌNH BÀY THÔNG TIN Ở DẠNG BẢNG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng

- Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.

**2. Năng lực**

***\*Năng lực tin học:***

- Phát triển năng lực tổ chức và trình bày thông tin

- Phát triển năng lực ứng dụng công nghệ và thông tin

***\* Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Phòng thực hành máy tính đã cài đặt phần mềm soạn thảo văn bản.

**2. Đối với học sinh:** Chuẩn bị tư liệu văn bản, hình ảnh cho nội dung sổ lưu niệm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS đóng vai nhân vật, trả lời hoạt động 1

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia của HS, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho bạn bạn đứng dậy đóng vai ba bạn An, Minh, Khoa hoàn thành đoạn hội thoại mở đầu trong sgk.*

*- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi ở hoạt động 1.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thực hiện, GV nhận xét dẫn dắt vào bài học mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trình bày thông tin ở dạng bảng**

**a. Mục tiêu:** HS biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin dạng bảng.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới sau đó yêu cầu trả lời câu hỏi ở Hoạt động 2 tr54 sgk.  *+ Bảng trên gồm mấy cột, mấy hàng?*  *+ Trò chơi nào được nhiều bạn nam yêu thích nhất? Trò chơi nào được nhiều bạn nữ yêu thích nhất? Trò chơi nào được học sinh của lớp yêu thích nhất?*  *+ Nếu không dùng bảng biểu diễn thì việc so sánh và tìm kiếm có dễ không?*  - HS thực hiện xong HĐ 2, GV chốt kiến thức chính được trình bày trong hộp kiến thức.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi của HĐ 2.  + GV quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **1. Trình bày thông tin ở dạng bảng**  + Bảng dữ liệu gồm 4 cột, 5 hàng  + Trò chơi được các bạn nam yêu thích nhất là kéo co (19 bạn). Trò chơi được các bạn nữ yêu thích nhất là Trao tín gậy (18 bạn). Trò chơi được HS của lớp yêu thích nhất là kéo co (35 bạn).  + Bảng dữ liệu giúp việc so sánh và tìm kiếm trở nên dễ dàng hơn. |

**Hoạt động 2: Tạo bảng**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thực hiện yêu cầu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tìm hiểu cách tạo bảng.  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi tr55 sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS bắt cặp, thảo luận và tìm ra câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện một số cặp đứng dậy trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét. | **2. Tạo bảng**  ***Trả lời câu hỏi***  - Trình tự sắp xếp đúng là:  c. Chọn Insert  a. Chọn mũi tên nhỏ bên dưới table  b. Di chuyển chuột để chọn số hàng, số cột.  - Bảng được tạo sẽ có:    Đáp án: A. 4 cột, 35 hàng. |

**Hoạt động 3: Định dạng bảng**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách định dạng được bảng tính (xóa, chèn, gộp, tách, điều chỉnh kích thức, căn lề....)

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu kiến thức, GV hướng dẫn, hỗ trợ HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tự đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tìm hiểu cách chỉnh sửa bảng.  - GV yêu cầu HS đọc, suy nghĩ nhanh và trả lời câu hỏi tr55sgk.  *Muốn xóa một số hàng trong bảng, sau khi chọn các hàng cần xóa, em thực hiện lệnh nào sau đây?*  *A. delete cell B. Delete columns*  *C. delete Rows D. Delete Table*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS bắt cặp, thảo luận và tìm ra câu trả lời  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện một số cặp đứng dậy trình bày kết quả.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét. | **3. Định dạng bảng**  Muốn chỉnh sửa bảng, ta chọn thẻ **Layout**    - Muốn xóa một số hàng trong bảng, sau khi chọn các hàng cần xóa, em thực hiện lệnh:  Đáp án: *C. delete Rows* |

**Hoạt động 4: Thực hành – Tạo bảng**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách tạo bảng trên phần mềm soạn thảo văn bản

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, HS thực hành

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho hs tạo bảng danh sách thành viên của lớp như minh họa trong hình 5.11.  - HS nhập các dữ liệu gồm: họ tên, ngày sinh, và ảnh của giáo viên chủ nhiệm và từng thành viên trong lớp.  - Chỉnh sửa, định dạng bảng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS đọc phần hướng dẫn trong sgk để lần lượt thực hiện các bước tạo bảng.  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện một số bạn đứng dậy trình bày quá trình thực hiện tạo bảng.  + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét. | **4. Thực hành – tạo bảng**  Các bước thực hiện:  + B1: Tạo bảng  + B2: Chỉnh sửa bảng  + B3: Nhập thông tin    ***Bảng hoàn thiện*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 57sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

*Nếu cần bổ sung cột Tổng số để điền số HS cả lớp (bằng số HS nam cộng số HS nữ) thì em chèn cột này vào vị trí bên phải của cột cuối cùng (cột số bạn nữ thích).*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Hãy trình bày thời khóa biểu của lớp dưới dạng bảng?*

- HS lắng nghe nhiệm vụ, hỏi đáp những vấn đề còn chưa rõ và thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá bài làm của HS, nhắc nhở một số HS còn mắc lỗi sai và chuẩn kiến thức bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 26/03/2023

## BÀI 13: THỰC HÀNH – TÌM KIẾM VÀ THAY THẾ (2TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản

- Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm.

**2. Năng lực:**

***\* Năng lực tin học***: Rèn luyện năng lực sử dụng công cụ công nghệ thông tin để hoàn thiện sản phẩm số.

***\* Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất :** Rèn luyện ý thức trách nhiệm trong công việc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Giáo án, phòng máy

**2. Đối với học sinh:** Chuẩn bị tệp nội dung của sổ lưu niệm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV cho HS đóng vai nhân vật, trả lời hoạt động 1

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia của HS, câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho bạn bạn đứng dậy đọc to và rõ ràng phần mở đầu trang 58sgk.*

*- GV đặt vấn đề:* Các em vừa nghe bạn đọc phần mở đầu. Vậy vấn đề chúng ta cần thực hiện ở đây là giúp An sửa công thức làm kem sữa chua dưa hấu thành công thức làm kem sữa chua xoài. Vậy thực hiện được điều này khó hay dễ, chúng ta sẽ cùng đến với bài thực hành hôm nay: **Thực hành – tìm kiếm và thay thế.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tại sao phải tìm kiếm và thay thế văn bản**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được tác dụng của công cụ tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu nội dung trong sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc câu hỏi và thảo luận trả lời:  *+ Từ công thức làm kem sữa chua dưa hấu, muốn thành công thức làm kem sữa chua xoài em làm thế nào?*  *+ Trong phần mềm soạn thảo văn bản, em thực hiện những thao tác nào để giúp An chỉnh sửa tệp văn bản công thức làm kem?*  *+ Em có biết cách nào chỉnh sửa tệp văn bản nhanh hơn không?*  - HS thực hiện xong HĐ1, GV yêu cầu HS đọc phần văn bản trình bày về ý nghĩa của công cụ tìm kiếm và thay thế.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, cử ra 1 bạn làm nhóm trưởng, 1 bạn báo cáo và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện từng nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận.  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **1. Tại sao phải tìm kiếm và thay thế văn bản?**  **HĐ1**  - Từ công thức làm kem sữa chua dưa hấu, muốn làm thành món kem sữa chua xoài, em đổi nguyên liệu từ dưa hấu thành xoài.  - Trong phần mềm soạn thảo văn bản, để chỉnh sửa công thức làm kem, em tìm lần lượt từ đầu đến cuối văn bản để tìm từ “dưa hấu”. Sau đó, em xóa mỗi từ “dưa hấu” và gõ từ “xoài” vào vị trí đó.  - Để chỉnh sửa văn bản nhanh hơn, em có thể dùng công cụ tìm kiếm và thay thế.  ***\*Ý nghĩa:*** Giúp tìm kiếm, thay thế từ hoặc cụm từ theo yêu cầu một cách nhanh chóng và chính xác. |

**Hoạt động 2: Sử dụng công cụ tìm kiếm và thay thế**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, HS quan sát, thực hành

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả HS thực hiện được các bước tìm kiếm và thay thế.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn cho HS lần lượt các bước thực hiện:  *+ B1: Khởi động phần mềm Microsoft Word, nhập nội dung công thức làm kem sữa chua dưa hấu.*  *+ B2: Thực hiện thao tác định dạng*  *+ B3: Lưu lại tệp*  *+ B4: Tìm kiếm*  *+ B5: Thay thế*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, cử ra 1 bạn làm nhóm trưởng, 1 bạn báo cáo và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện từng nhóm đứng tại chỗ trình bày kết quả thảo luận.  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Kết thúc thảo luận, GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức. | **2. Sử dụng công cụ tìm kiếm và thay thế**  ***a. Tìm kiếm***    ***b. Thay thế*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

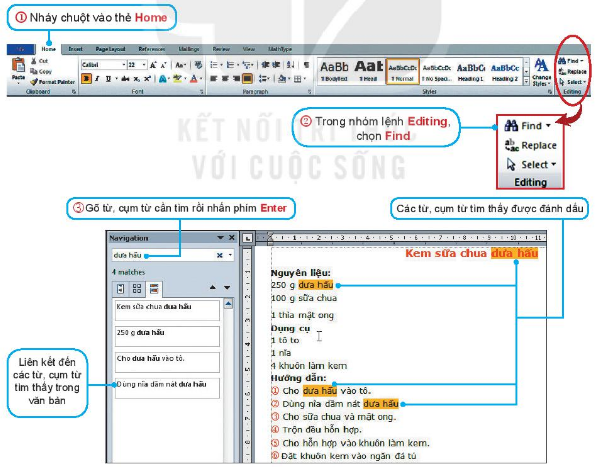
**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 60sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

*Để xem lần lượt các kết quả tìm thấy, An nháy chuột vào từng liên kết đến cụm từ “nhóm bạn thân” trong văn bản. Các liên kết này thể hiện ở chú thích bên phải của Hình 5.23*

**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS xem lại một số tệp văn bản cho cuốn lưu niệm đã tạo trong các bài học khác để rà soát lỗi chính tả. Yêu cầu HS sử dụng chức năng tìm kiếm và thay thế để chỉnh sửa các lỗi chính tả, thay thế các từ viết tắt....để các tệp văn bản hoàn chỉnh hơn*?*

- HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện

- GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS và chuẩn kiến thức bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn:.../.../...

Ngày dạy: .../.../....

## BÀI 14: THỰC HÀNH TỔNG HỢP – HOÀN THIỆN SỔ LƯU NIỆM (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS sử dụng được phần mềm soạn thảo văn bản để hoàn thành sản phẩm sổ lưu niệm

- HS có khả năng làm việc nhóm, hợp tác được trong việc tạo ra, trình bày và giới thiệu được sản phẩm tương tự.

**2. Năng lực:**

***\* Năng lực tin học:***

- Nla: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông.

- Nld: Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc học và tự học.

***\* Năng lực chung***: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin.

**3. Phẩm chất:**

- Có thái độ cởi mở, hợp tác khi làm việc nhóm

- HS tôn trọng và tuyệt đối thực hiện các yêu cầu, quy tắc an toàn khi thực hành trong phòng máy.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Tải liệu giảng dạy, phòng máy, sgk...

**2. Đối với học sinh:** Chuẩn bị tệp văn bản của sổ lưu niệm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Nhắc lại kiến thức, tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài thực hành.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm học tập:**

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV trình bày vấn đề, gợi lại kiến thức đã học để các em chuẩn bị bước vào bài thực hành.

- GV trình bày vấn đề: *Trong chủ đề Ứng dụng tin học, các em đã được làm quen với các bài học nào? Hãy ghi nhớ thật nhanh và nhắc lại cho các bạn nghe?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ nhanh và trả lời: *Bài học trong chủ đề Ứng dụng tin học: cách vẽ sơ đồ tư duy, cách định dạng văn bản cũng như trình bày thông tin ở dạng bảng, tìm kiếm và thay thế thông tin...*

- Sau khi thực hiện xong bài tập Giáo viên nhận xét đánh giá tinh thần, thái độ học tập và kết quả học sinh đã báo cáo. Từ đó hướng học sinh nghiên cứu, tìm hiểu nội dụng cho hoạt động hình thành kiên thức mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tập hợp nội dung**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách tập hợp tư liệu là các tệp văn bản chứa nội dung để hoàn thiện sổ lưu niệm.

**b. Nội dung:** GV thực hiện các bước tập hợp nội dung, HS quan sát và thực hiện theo.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV trình bày: Trong bài học trước, các em đã tạo các tệp văn bản chứa nội dung cuốn sổ lưu niệm.  + GV nêu tiếp: Vậy để tập hợp các nội dung đó vào một tệp văn bản có tên ***Soluuniem.docx*** thì chúng ta thực hiện đầy đủ các bước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Sau khi GV trình bày xong, HS quan sát GV và tiến hành thực hiện theo các bước tương tự.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thực hiện  + GV tiến hành kiểm tra, quan sát bài làm của một số HS, chỉnh sửa hướng dẫn cụ thể cách làm cho những bạn còn sai sót (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét hoạt động tập hợp các tệp nội dung của HS, chuyển sang hoạt động thực hành mới. | **1. Tập hợp nội dung**  Các bước thực hiện:  *+ B1: Nháy chuột vào thẻ Insert*    *+ B2: Trong nhóm lệnh Text, chọn Objeck.*    *+ B3: Chọn Text from File* |

**Hoạt động 2: Hiệu chỉnh (bổ sung thêm nội dung)**

**a. Mục tiêu:** Bổ sung nội dung còn thiếu để sản phẩm là sổ lưu niệm có nội dung đầy đủ hơn.

**b. Nội dung:** GV cho HS điều chỉnh lại một số nội dung cần thiết của sổ lưu niệm.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện hiệu chỉnh nội dung của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu HS xem lại sơ đồ tư duy đã tạo ở bài 10 để rà soát lại nội dung xem đã đầy đủ chưa. Kiểm tra, xem xét kĩ càng lại một lần nữa như: thông tin, hình ảnh, thông tin thầy cô giáo, các hoạt động của lớp...  + Sau khi kiểm tra lại thông tin, HS tiếp tục hoàn chỉnh lại các định dạng về văn bản như:  + Định dạng chữ  + Căn chỉnh lề đoạn văn bản  + Bổ sung hình ảnh  + Định dạng hướng trang  + Chèn ảnh...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện trình tự các yêu cầu của GV.  + GV quan sát, hướng dẫn các bạn HS chưa nắm rõ nhiệm vụ (nếu có).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thực hiện của mình, trình bày nội dung còn thiếu và cần chỉnh sửa…  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, đánh giá, kết quả thực hành của HS. | **2. Hiệu chỉnh (bổ sung thêm nội dung)**  - HS điều chỉnh lại nội dung của tệp lưu niệm. |

**Hoạt động 3: Tạo trang bìa cho cuốn sổ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước để tạo một trang bìa cuốn sổ lưu niệm

**b. Nội dung:** GV thực hiện các bước, GV quan sát và tiến hành tạo bìa cho cuốn sổ.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện trang bìa của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV vừa thực hiện vừa giảng giải chi tiết các bước để tạo ra trang bìa sổ lưu niệm.  *+ B1: Nháy chuột vào thẻ insert*    *+ B2: Trong nhóm lệnh Pages, chọn Cover Page.*    *+ B3: Chọn mẫu một trang bìa bất kì mà em thích.*    *+ B4: Sửa lại nội dung và thay hình trang bìa.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Sau khi quan sát GV thực hiện 1 lượt, HS tiến hành tạo bìa sổ lưu niệm theo mẫu mình thích.  - GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng dậy trình bày cách làm trang bìa của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, cho điểm bài thực hành của HS. | **2. Hiệu chỉnh (bổ sung thêm nội dung)** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các bước để tạo một trang bìa cuốn sổ lưu niệm

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện trang bìa của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS về nhà thực hiện cá nhân hoặc nhóm theo các bước để hoàn thành một sổ lưu niệm gia đình mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành, tiết học sau báo cáo sản phẩm cho giáo viên.

- GV nhận xét, đánh giá ý thức học tập, thực hành của HS trong tiết học.

Ngày soạn: .../.../....

Ngày dạy: .../.../....

# CHỦ ĐỀ F: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH

## BÀI 15: THUẬT TOÁN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Diễn tả được sơ lược khái niệm thuật toán, nêu được một vài ví dụ minh họa

- Biết thuật toán được mô tả dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.

**2. Năng lực:**

***\* Năng lực chung***: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực phân tích, năng lực tổng hợp thông tin.

***\* Năng lực tin học:***

- Thông qua các hoạt động học tập, HS được hình thành và phát triển tư duy logic, từng bước nâng cao nắng lực giải quyết vấn để. Các hoạt động thảo luận nhóm và trình bày kết quả thảo luận nhằm rèn luyện cho HS năng lực hoạt động cộng tác, năng lực giao tiếp và thuyết trình.

- Nhiều hoạt động trong bài học được tích hợp kiến thức hội hoạ, công nghệ,... nhằm kết nối kiến thức tin học với các lĩnh vực khác của cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Có thái độ cởi mở, hợp tác khi thực hiện các bài tập nhóm.

- Rèn luyện phẩm chất chảm chỉ, trách nhiệm trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Tờ giấy hình vuông để gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc. Tìm hiểu trước cách gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.

**2. Đối với học sinh:** Bảng hoặc giấy khổ rộng để các nhóm ghi kết quả thảo luận.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài học mới bằng cách chơi gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS các gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm HS gấp được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn cho HS gấp hình trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.

*+ B1: Gấp hai đường chéo của tờ giấy hình vuông để tạo nếp gấp, mở tờ giấy ra.*

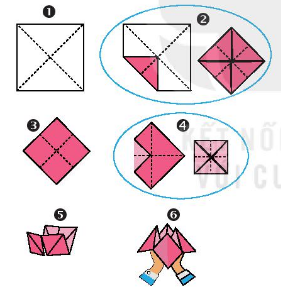
*+ B2: Gấp 4 góc của tờ giấy vào tâm*

*+ B3: Lật mặt bên kia*

*+ B4: Tiếp tục gấp bốn góc vào tâm*

*+ B5: Đặt tờ giấy đã gấp nằm ngang, luồn ngón cái và ngón trỏ của hai tay vào bốn góc ở mặt dưới*

*+ B6: Chỉnh sửa các nếp gấp.*

**

- Sau khi thực hiện xong, hướng dẫn và chơi minh họa một vài lần, sau yêu cầu HS tổ chức chơi vào giờ ra chơi, GV dẫn dắt HS vào bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Thuật toán**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận ra các bước thực hiện một công việc chính là thuật toán và trình tự thực hiện các bước là quan trọng.

- HS bước đầu hình thành khái niệm đầu vào, đầu ra của thuật toán.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận, chia nhóm HS thảo luận.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời hai câu hỏi ở HĐ1 vào bảng nhóm. Trong quá trình thảo luận, HS có thể thực hiện thao tác đảo thứ tự bước 3, 4 trên sản phẩm đã gập để tìm câu trả lời.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm. Tuyên dương nhóm trả lời tốt, nhắc nhở, động viên các nhóm còn hoạt động yếu, kém.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận khái niệm thuật toán.  + Dựa trên kết quả thảo luận của HĐ 1 và hoạt động đọc nội dung kiến thức mới của HS, GV giới thiệu khái niệm “thuật toán” và chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr64, sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi 2 – 3 bạn báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1. Thuật toán**  ***NV1***  - Nếu đảo ngược thứ tự bước 3 và 4 trong hướng dẫn thì không thể gấp được hình vì kết quả của bước trước đều ảnh hưởng đến bước sau.  - Trước khi thực hiện hướng dẫn, em cần có tờ giấy vuông. Sau khi thực hiện lần lượt 6 bước, em nhận được kết quả là hình gấp trò chơi Đông – Tây – Nam – Bắc.  ***NV2***  - Thuật toán là:  Đáp án: C. Một dãy các chỉ dẫn rõ ràng, có trình tự sao cho khi thực hiện những chỉ dẫn này người ta giải quyết được vấn đề hoặc nhiệm vụ đã cho.  - Các câu đúng là:  A. Thuật toán có đầu ra là kết quả nhận được sau khi thực hiện các bước của thuật toán.  B. Thuật toán có đầu vào là các dữ liệu ban đầu. |

**Hoạt động 2: Mô tả thuật toán**

**a. Mục tiêu:** Huy động kiến thức đã có của HS về cách trình bày, mô tả một số vấn đề từ đó GV giúp HS nắm được cách mô tả thuật toán.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn, HS đọc kiến thức sgk và thực hiện

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi ở HĐ2  + GV gợi ý cho HS hướng dẫn gấp hình Đông – Tây – Nam – Bắc là cách mô tả thuật toán vằng ngôn ngữ tự nhiên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm. Tuyên dương nhóm trả lời tốt, nhắc nhở, động viên các nhóm còn hoạt động yếu, kém.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận cách mô tả thuật toán.  + GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr65, sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi 2 – 3 bạn báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **1. Thuật toán**  ***NV1***  - Cách trình bày một vấn đề: dùng ngôn ngữ tự nhiên, dùng sơ đồ tư duy, dùng sơ đồ...  ***NV2***  1. Câu sai khi nói về vai trò của mũi tên trong sơ đồ khối của thuật toán là:  Đáp án: C. Mũi tên được sử dụng chỉ để kết nối các hình khối trong sơ đồ khối.  2. Ghép:  1 – a  2 – c  3 – d  4 – b |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

**b. Nội dung:** GV nêu bài tập, HS vận dụng kiến thức hoàn thành

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 66sgk:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

*a/ Thuật toán tính trung bình cộng của hai số a, b*

*+ Đầu vào: hai số a, b*

*+ Đầu ra: trung bình cộng của hai số a, b*

*b/ Thuật toán tìm ước chung lớn nhất của hai số tự nhiên a và b*

*+ Đầu vào: hai số tự nhiên a và b*

*+ Đầu ra: ước chung lớn nhất của hai số tự nhiên a, b*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 66sgk:

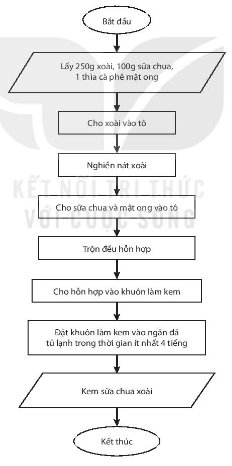
- HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện, đưa ra câu trả lời:

*Công thức làm kem sữa chua xoài*

*a/ Đầu vào: xoài, sữa chua, mật ong*

*Đầu ra: kem sữa chua xoài*

*b/ Sơ đồ khối của thuật toán:*



- GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS và chuẩn kiến thức bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../....

## BÀI 16: CÁC CẤU TRÚC ĐIỀU KHIỂN (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết ba cấu trúc điều khiển thuật toán: tuần tự, rẽ nhánh và lặp

- Mô tả được thuật toán đơn giản có các cấu trúc tuần tự, rẽ nhánh và lặp dưới dạng liệt kê hoặc sơ đồ khối.

**2. Năng lực:**

***\* Năng lực chung:***

***\* Năng lực tin học:*** Bước đầu hình thành và phát triển tư duy cấu trúc, tư duy phân tích và điều khiển hệ thống.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện ý chí vượt khó, tinh thần trách nhiệm vì mục tiêu chung.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

**-** Chuẩn bị một số phiếu thuộc hai chủ đề: sinh học và toán. Mỗi phiếu có chứa một câu khẳng định, có thể đúng hoặc sai, ví dụ “Voi thuộc loài ăn thịt” là một câu sai.

- Gợi ý câu hỏi cho các chủ đề:

* Chủ đề sinh học: Kiến thức về các loài vật ăn thịt, ăn cỏ, hoặc vừa ăn thịt vừa ăn cỏ. Các con vật thuộc các họ, ví dụ: “Hổ là một con vật họ mèo”....
* Chủ đề toán: kiến thức về các số nguyên tố nhỏ hơn 100, ví dụ: “7 là một số nguyên tố” là một khẳng định đúng, “12 là một số nguyên tố” là một khẳng định sai.

**2. Đối với học sinh:** Dụng cụ học tập, tìm hiểu nội dung của bài học mới.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** HS thực hiện hoạt động trò chơi để trải nghiệm các cấu trúc điều khiển một cách trực quan sinh động. Từ trải nghiệm thực tiễn này, HS sẽ dễ dàng tiếp cận kiến thức trừu tượng về các cấu trúc điều khiển.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi theo hướng dẫn trong sgk.

**c. Sản phẩm học tập:** Thái độ tham gia trò chơi và mức độ hiểu biết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn cho HS chơi trò chơi: Đúng hay sai?

- HS xung phong chơi trò chơi nhiệt tình, vui vẻ.

- Sau khi chơi trò chơi xong, GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt HS vào bài học mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh.**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận được khái niệm cấu trúc tuần tự và cấu trúc rẽ nhánh.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận, chia nhóm HS thảo luận.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời hai câu hỏi ở HĐ1 vào bảng nhóm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận khái niệm cấu trúc tuần tự và cấu trúc rẽ nhánh.  + GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện thảo luận, hoàn thành phiếu bài tập.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Các nhóm đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả của phiếu học tập.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, tuyên dương các nhóm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. | **1. Cấu trúc tuần tự, cấu trúc rẽ nhánh**  ***NV1***  1. Điều kiện để cặp chơi được cộng 1 điểm là trả lời đúng câu hỏi.  2. Với mỗi câu hỏi, việc đánh giá điểm gồm 2 bước:  - Kiểm tra điều kiện nhóm trả lời câu hỏi đúng hay sai  - Nếu câu trả lời là đúng thì cộng cho nhóm 1 điểm.  ***NV2:* PBT**  Sơ đồ khối minh họa công việc soạn sách vở theo thời khóa biểu:  1. Xem thời khóa biểu để biết các môn học  2. Lấy sách vở của các môn học  3. Cho sách vở vào cặp  Sơ đồ khối minh họa công việc soạn sách vở theo thời khóa biểu:    Câu “Nếu trời mưa thì em không đá bóng” chứa cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu. |

**Hoạt động 2: Cấu trúc lặp**

**a. Mục tiêu:** HS tiếp cận được khái niệm cấu trúc lặp.

**b. Nội dung:** GV giới thiệu mục đích, yêu cầu và tiến trình của hoạt động thảo luận, chia nhóm HS thảo luận.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi ở HĐ2  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tổ chức nhóm, tiếp nhận nhiệm vụ và thảo luận.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện  + GV gọi HS nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét hoạt động nhóm của các nhóm.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV cho HS đọc phần nội dung kiến thức mới để tự tiếp cận khái niệm “cấu trúc lặp”.  + GV chốt kiến thức cần ghi nhớ trong hộp kiến thức, yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi tr69, sgk.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS đọc nội dung, tiếp nhận nhiệm vụ và tìm câu trả lời đúng.  + GV quan sát HS thực hiện, hỗ trợ khi HS cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi 2 – 3 bạn báo cáo kết quả.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Cấu trúc lặp**  ***NV1***  - Trong trò chơi ở phần khởi động, hoạt động trả lời câu hỏi của cặp chơi được lặp đi lặp lại.  - Điều kiện để dừng trò chơi là hết thời gian một phút.  ***NV2***  1. Hai công việc trong cuộc sống mà việc thực hiện gồm các bước được thực hiện lặp lại nhiều lần:  a. Rửa rau:  + B1: Cho rau vào chậu và xả nước ngập rau  + B2: Dùng tay đảo rau trong chậu  + B3: Vớt rau ra rổ, đổ hết nước trong chậu ra.  + B4: Lặp bước 1 đến bước 3 cho đến khi rau sạch thì kết thúc.  b. Đánh răng  + B1: Lấy kem đánh răng vào bàn chải  + B2: Lấy một cốc nước  + B3: Đánh răng  + B4: Lặp lại bước 3 cho đến khi rau sạch thì kết thúc  + B5: Súc miệng  + B6: Lặp lại bước 5 cho đến khi miệng sạch thì dừng  2.a. ĐiỆU kiện để chú meo dừng lại là “chạm biên”  b. Sơ đồ khối: |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua giải bài tập

**b. Nội dung:** GV nêu bài tập, HS vận dụng kiến thức hoàn thành

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thực hiện bài tập 1 phần luyện tập trang 70sgk. Cụ thể:

+ Nhóm 1: ý a

+ Nhóm 2: ý b

+ Nhóm 3: ý c

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành thảo luận, đưa ra đáp án:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a.** | **b.** | **c.** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS hỏi những vấn đề còn thắc mắc và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần vận dụng trang 70sgk:

- HS lắng nghe nhiệm vụ và thực hiện, đưa ra câu trả lời:

*Sơ đồ khối ở hình 6.12a được diễn giải như sau: Nếu đúng là chưa hiểu bài thì đọc lại sách, còn không thì làm bài tập. Sơ đồ khối này thể hiện cấu trúc rẽ nhánh và nếu chưa hiểu bài thì việc đọc lại sách chỉ thực hiện một lần, sau đó làm bài tập. Trên thực tế, việc đọc lại sách một lần chưa chắc đã đảm bảo hiểu bài. Vì vậy, cấu trúc lặp thể hiện trong hình 6.12b diễn đạt việc đọc lại sách có thể lặp lại nhiều lần cho đến khi hiểu bài thì làm bài tập.*

*Nhận xét của bạn An về cấu trúc ở hình 6.12b cẩn điểu chỉnh lại là: Nếu chưa hiểu bài thì việc đọc lại sách được thực hiện nhiều lần cho dến khi hiểu bài thì thôi và làm bài tập. Như vậy việc làm bài tập không phải thực hiện nhiều lần, mà chỉ thực hiện một lấn sau khi đã hiểu bài.*

- GV nhận xét, đánh giá quá trình thực hiện của HS và chuẩn kiến thức bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: 9/5/2023

## Tiết 33+35 BÀI 17: CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

* Biết được chương trình là mô tả một thuật toán để máy tính “hiểu” và thực hiện được.

**2. Năng lực**

***a. Năng lực tin học:*** HS được hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.

***b. Năng lực chung:*** Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

**3. Phẩm chất**

* Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ, kiên trì và cẩn trọng trong học và tự học
* Tôn trọng và tuyệt đối thực hiện các yêu cầu, quy tắc an toàn khi thực hành trong phòng máy.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** Chuẩn bị một số bức tranh đơn giản vẽ đồ vật, hoa, quả... Cài đặt phần mềm lập trình trực quan Scratch trên máy tính để HS thực hành.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập cần thiết.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS chơi trò chơi

**c. Sản phẩm học tập:** HS tổ chức chơi trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình bày vấn đề:* GV gọi lên bảng 2 HS. Sau đó GV yêu cầu, hai bạn HS1 và HS2 chơi trò chơi “Làm theo chỉ dẫn”. HS1 chuẩn bị một bức tranh đơn giản vẽ đồ vật và không cho HS2 biết nội dung bức tranh. HS2 không được nhìn bức tranh. HS1 lần lượt đưa ra chỉ dẫn để HS2 vẽ lại bức tranh. Sau khi hoàn thành công việc, hai bạn so sánh bức tranh của HS2 vẽ với bức tranh HS1 đã chuẩn bị để xem chỉ dẫn của HS1 có rõ ràng không và HS2 có thực hiện đúng theo chỉ dẫn không.

- Sau khi hai bạn thực hiện xong, GV nhận xét đánh giá và dẫn dắt vào bài học mới, **bài 17: Chương trình máy tính.**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chương trình máy tính – Thực hiện thuật toán**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được ngôn ngữ lập trình được dùng để mô tả thuật toán cho máy tính “hiểu” và thực hiện.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  ***- NV1****: GV nhấn mạnh lại nội dung của phần khởi động để HS hiểu được tình huống, sau đó nêu mục đích, yêu cầu HS chia nhóm, thực hiện hoạt động thảo luận: Nếu thuật toán được chuyển giao chi máy tính thực hiện thì theo em, làm thể nào để máy tính có thể hiểu và thực hiện được?*  ***- NV2:*** *GV gọi 1 HS đứng dậy đọc to, rõ ràng phần kiến thức mới ở SGK. Sau đó, giữ nguyên các nhóm được phân chia ở NV1, HS tiếp tục đọc, thảo luận và hoàn thành* ***“?”*** *trang 72SGK.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi vào bảng nhóm.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Kết thúc thảo luận, GV cho các nhóm báo cáo kết quả  + GV gọi một số HS đứng dậy nhận xét, đánh giá bài làm của các nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét từng nhóm -> đưa ra kết quả chính xác, chốt kiến thức chuyển nội dung bài học. | **1. Thông tin và dữ liệu**  ***Hoạt động 1. Thực hiện thuật toán***  ***- NV1:*** Nếu thuật toán chuyển giao cho máy tính thực hiện thì cần sử dụng ngôn ngữ mà máy tính có thể hiểu và thực hiện được. Ngôn ngữ đó là ngôn ngữ lập trình.  - ***NV2***:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Công việc | Mô tả thuật toán... | CT máy tính viết... | | Đầu vào | Nhập hai số a và b | 1,2,3,4,5,6 | | Bước xử lí | Tổng <-a + b | 7 | | Đầu ra | Thông báo giá trị của tổng | 8 | |

**Hoạt động 2: Thực hành – Tạo chương trình máy tính**

**a. Mục tiêu:** Thông qua nhiệm vụ, HS thực hiện được các bước tạo chương trình máy tính.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi và thực hiện.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thực hành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu 1 HS đứng dậy nêu nhiệm vụ của bài thực hành.*  *- GV yêu cầu HS quan sát GV hướng dẫn và thực hiện các bước thực hành:*  *+ B1: Xác định đầu vào, đầu ra của bài toán*  *+ B2. Trình bày sơ đồ khối mô tả thuật toán tính toán tiền bán thiệp*  *+ B3: Viết chương trình Scratch tính toán tiền bán thiệp.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát kĩ các bước thực hiện của GV.  +GV giảng giải kĩ hơn cho HS ở những nội dung nắm rõ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS đứng dậy trình bày lại quy trình để tạo ra chương trình Scratch tính toán tiền bán thiệp  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Thực hành – Tạo chương trình máy tính**  ***a. Xác định đầu vào, đầu ra***  + Đầu vào hai số: a, b  + Đầu ra: Số tiền lãi hoặc số tiền bị lỗ  ***b. Thuật toán bằng sơ đồ khối***    ***c. Chương trình Scratch tính toán tiền bán thiệp*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thự hiện BT luyện tập 1; 2 và 3 trang 74 sgk*

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

**Câu 1**. Đáp án .C

**Câu 2.**

a) Chương trình Scratch ở Hình 6.15 thực hiện thuật toán tính điểm trung bình ba

môn Toán, Văn và Tiếng Anh để xét xem HS được thưởng ngôi sao hay cần cố gắng hơn.

b) Đầu vào: Ba số a, b, c (điểm Toán, Văn và Tiếng Anh).

Đầu ra: Thông báo “Bạn được thưởng ngôi sao” hay “Bạn cố gắng lên nhé”

c) Ví dụ:

- HS1 có điểm Toán được 9, điểm Văn là 8 và điểm Tiếng Anh là 10. Khi đó dữ liệu đầu

vào là a = 9, b = 8, c = 10, chương trình tính ĐTB = (9 + 8 + 10)/3 = 9, vì ĐTB > 8 nên

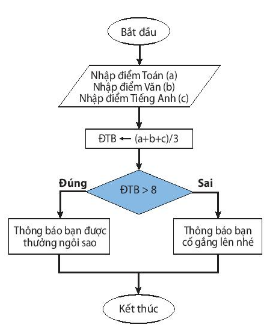
đầu ra chương trình thông báo “Bạn được thưởng sao”

- HS2 có điểm Toán được 7, điểm Văn là 6 và điểm Tiếng Anh là 8. Khi đó dữ liệu đầu

vào là a = 7, b = 6, c = 8, chương trình tính ĐTB = (7 + 6 + 8)/3 = 7, vì ĐTB < 8 nên

đầu ra chương trình thông báo “Bạn cố gắng lên nhé”.

d) Sơ đồ khối:



**Câu 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) | Chương trình Cratch ở hình 6.16 thực hiện công việc sau:  Nhân vật nói xin chào trong 2 giây, sau đó lặp lại 10 lần việc di chuyển 10 bước nếu chạm biên thì quay lại. Trong quá trình nhân vật di chuyển chương trình phát âm thanh tiếng trống. |  |
| b) | Cấu trúc tuần tự được thực hiện ở việc thực hiện lần lượt các lệnh từ trên xuống dưới. | Ví dụ: Nhân vật nói “xin chào” sau đó mới di chuyển |
| Cấu trúc rẽ nhánh | Lệnh “nếu chạm biên, bật lại”. |
| Cấu trúc lặp | Lặp lại 10 lần |

*- GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện của HS, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

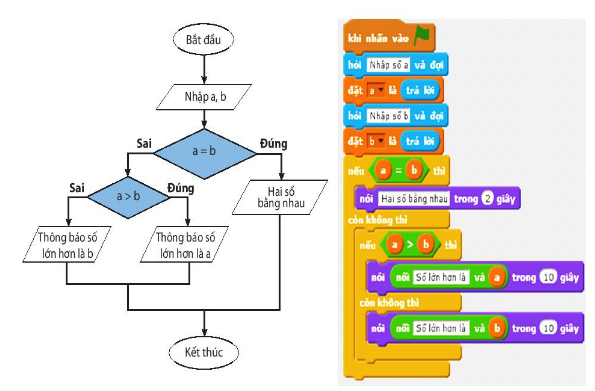
*- GV chia lớp thành 4 nhóm lớn và yêu cầu:*

*+ Nhóm 1 và nhóm 3 đọc, thảo luận và trả lời câu hỏi 1 phần vận dụng trang 74 SGK*

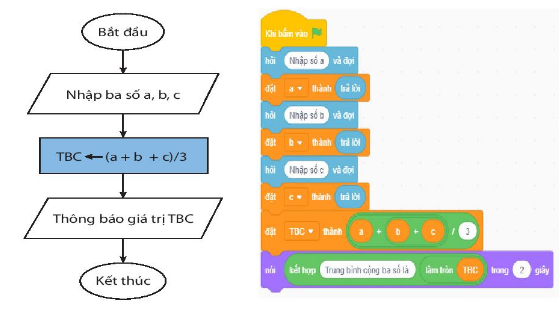
*+ Nhóm 2 và nhóm 4 đọc, thảo luận và trả lời câu hỏi 2 phần vận dụng trang 74SGK*

*- Các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận và ghi kết quả vào bảng phụ:*

**Câu 1:**



**Câu 2:**



**-** *GV nhận xét, đánh giá và cho điểm và tuyên dương những đội có bài làm tốt nhất.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học | - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận nhóm |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*